BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Hà Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Hà Giang và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÀ GIANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Hà Giang
2	Huyện Bắc Mê
3	Huyện Bắc Quang
4	Huyện Đồng Văn
5	Huyện Hoàng Su Phì
6	Huyện Mèo Vạc
7	Huyện Quản Bạ
8	Huyện Quang Bình
9	Huyện Vị Xuyên
10	Huyện Xín Mần
11	Huyện Yên Minh

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 20	DC	P. Minh Khai	TP. Hà Giang	22° 49' 37"	104° 59' 11"					F-48-30-B
tổ 3	DC	P. Minh Khai	TP. Hà Giang	22° 48' 48"	104° 59' 23"					F-48-30-B
tổ 6	DC	P. Minh Khai	TP. Hà Giang	22° 49' 13"	104° 59' 11"					F-48-30-B
núi Mỏ Neo	SV	P. Minh Khai	TP. Hà Giang	22° 48' 28"	105° 00' 21"					F-48-31-A
sông Lô	TV	P. Minh Khai	TP. Hà Giang			22° 49' 41"	104° 58' 58"	22° 48' 21"	104° 58' 39"	F-48-30-B
tổ 1	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 33"	104° 59' 25"					F-48-30-B
tổ 2	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 35"	104° 59' 35"					F-48-30-B
tổ 3	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 36"	104° 59' 46"					F-48-30-B
tổ 4	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 28"	105° 00' 12"					F-48-30-B
tổ 5	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 25"	105° 00' 21"					F-48-30-B
tổ 6	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 20"	105° 00' 35"					F-48-30-B
tổ 7	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 30"	105° 00' 45"					F-48-30-B
tổ 8	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 50' 10"	105° 00' 40"					F-48-30-B
tổ 9	DC	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 49' 45"	105° 00' 45"					F-48-30-B
núi Đen	SV	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang	22° 49' 15"	105° 00' 12"					F-48-31-A
suối Bá Mần	TV	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang			22° 50' 40"	105° 03' 28"	22° 51' 18"	105° 01' 02"	F-48-31-A
quốc lộ 34	KX	P. Ngọc Hà	TP. Hà Giang			22° 50' 32"	104° 59' 43"	22° 49' 51"	105° 03' 19"	F-48-30-B F-48-31-A
tổ 1	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hà Giang	22° 49' 25"	104° 57' 47"					F-48-30-B
tổ 18	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hà Giang	22° 48' 59"	104° 58' 41"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 2	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hà Giang	22° 49' 41"	104° 58' 15"					F-48-30-B
tổ 8	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hà Giang	22° 49' 40"	104° 58' 45"					F-48-30-B
núi Cấm	SV	P. Nguyễn Trãi	TP. Hà Giang	22° 49' 27"	104° 58' 34"					F-48-30-B
tổ 1	DC	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 50' 08"	104° 58' 40"					F-48-30-B
tổ 2	DC	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 50' 02"	104° 58' 13"					F-48-30-B
tổ 3	DC	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 50' 32"	104° 57' 52"					F-48-30-B
tổ 4	DC	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 50' 21"	104° 58' 25"					F-48-30-B
tổ 6	DC	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 50' 45"	104° 59' 41"					F-48-30-B
núi Răng Cưa	SV	P. Quang Trung	TP. Hà Giang	22° 51' 50"	104° 59' 31"					F-48-30-B
sông Miện	TV	P. Quang Trung	TP. Hà Giang			22° 50' 37"	104° 59' 40"	22° 50' 17"	104° 58' 42"	F-48-30-B
quốc lộ 4C	KX	P. Quang Trung	TP. Hà Giang			22° 50' 02"	104° 58' 53"	22° 51' 23"	105° 00' 44"	F-48-30-B F-48-31-A
tổ 14	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Giang	22° 50' 02"	104° 59' 19"					F-48-30-B
tổ 17	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Giang	22° 50' 16"	104° 58' 51"					F-48-30-B
sông Miện	TV	P. Trần Phú	TP. Hà Giang			22° 50' 37"	104° 59' 40"	22° 50' 17"	104° 58' 42"	F-48-30-B
thôn Bản Tùy	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 15"	105° 01' 02"					F-48-31-A
thôn Nà Báu	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 51' 31"	105° 02' 18"					F-48-31-A
thôn Nặm Tài	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 12"	105° 02' 03"					F-48-31-A
thôn Tả Vải	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 08"	105° 01' 04"					F-48-31-A
thôn Thái Hà	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 57"	105° 00' 50"					F-48-31-A
núi Con Rồng	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 09"	105° 01' 21"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đán Đăm	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 42"	105° 04' 24"					F-48-31-A
núi Đán Đeng	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 59"	105° 01' 12"					F-48-31-A
núi Đen	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 49' 15"	105° 00' 12"					F-48-31-A
núi Nà Càu	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 52' 19"	105° 01' 57"					F-48-31-A
núi Nà Nhạn	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 51' 53"	105° 01' 08"					F-48-31-A
núi Phai Luông	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 51' 02"	105° 01' 59"					F-48-31-A
núi Tả Mò	SV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 50' 15"	105° 03' 12"					F-48-31-A
suối Bá Mần	TV	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang			22° 50' 40"	105° 03' 28"	22° 51' 18"	105° 01' 02"	F-48-31-A
quốc lộ 34	KX	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang			22° 50' 32"	104° 59' 43"	22° 49' 51"	105° 03' 19"	F-48-30-B F-48-31-A
quốc lộ 4C	KX	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang			22° 51' 23"	105° 00' 44"	22° 52' 08"	105° 00' 25"	F-48-31-A
thôn Bản Cưởm 1	DC	xã Ngọc Đường	TP. Hà Giang	22° 51' 28"	105° 01' 10"					F-48-31-A
thôn Hạ Thành	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 50' 38"	104° 56' 04"					F-48-30-B
thôn Khuổi My	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 49' 16"	104° 54' 29"					F-48-30-B
thôn Lùng Vài	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 49' 53"	104° 53' 52"					F-48-30-B
thôn Nà Thác	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 48' 50"	104° 56' 04"					F-48-30-B
thôn Tân Tiến	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 51' 04"	104° 55' 49"					F-48-30-B
thôn Tha	DC	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 50' 13"	104° 56' 52"					F-48-30-B
núi Miều	SV	xã Phương Độ	TP. Hà Giang	22° 50' 16"	104° 54' 30"					F-48-30-B
suối Nậm Tha	TV	xã Phương Độ	TP. Hà Giang			22° 49' 34"	104° 54' 13"	22° 50' 35"	104° 56' 59"	F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 2	KX	xã Phương Độ	TP. Hà Giang			22° 49' 28"	104° 57' 37"	22° 51' 24"	104° 55' 42"	F-48-30-B
thôn Cao Bành	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 47' 39"	104° 58' 07"					F-48-30-B
thôn Cầu Mè	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 48' 28"	104° 58' 07"					F-48-30-B
thôn Châng	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 47' 22"	104° 58' 19"					F-48-30-B
thôn Chiến Thắng	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 46' 30"	104° 58' 06"					F-48-30-B
thôn Gia Vài	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 45' 33"	104° 57' 26"					F-48-30-B
thôn Lâm Đồng	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 48' 22"	104° 57' 56"					F-48-30-B
thôn Mè Thượng	DC	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 48' 48"	104° 58' 35"					F-48-30-B
núi Ké Kiềm	SV	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 47' 01"	104° 56' 22"					F-48-30-B
núi Khúng Khiếu	SV	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 45' 45"	104° 57' 23"					F-48-30-B
suối Châng	TV	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang			22° 47' 04"	104° 56' 53"	22° 48' 15"	104° 58' 34"	F-48-30-B
quốc lộ 2	KX	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang			22° 47' 18"	104° 59' 26"	22° 48' 21"	104° 58' 36"	F-48-30-B
cầu Mè	KX	xã Phương Thiện	TP. Hà Giang	22° 48' 15"	104° 58' 35"					F-48-30-B
xóm Nậm Nựng	DC	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê	22° 45' 10"	105° 16' 12"					F-48-31-B
xóm Pi Nặm	DC	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê	22° 44' 34"	105° 16' 17"					F-48-31-D
thôn Pia Vèn	DC	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê	22° 46' 44"	105° 13' 31"					F-48-31-A
núi Nà Dài	SV	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê	22° 46' 30"	105° 14' 16"					F-48-31-A
sông Gâm	TV	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê			22° 44' 17"	105° 18' 00"	22° 43' 57"	105° 13' 27"	F-48-31-D F-48-30-C
suối Nậm Nựng	TV	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê			22° 45' 50"	105° 16' 35"	22° 44' 40"	105° 16' 09"	F-48-31-B F-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê			22° 46' 10"	105° 12' 49"	22° 44' 23"	105° 18' 00"	F-48-31-A F-48-31-D
cầu 48	KX	xã Lạc Nông	H. Bắc Mê	22° 45' 05"	105° 16' 02"					F-48-31-B
xóm Bắc Giáp	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 47' 41"	105° 11' 23"					F-48-31-A
thôn Khuổi Lùng	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 47' 50"	105° 10' 54"					F-48-31-A
thôn Lùng Càng	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 43' 48"	105° 10' 33"					F-48-31-C
thôn Lùng Hảo	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 45' 10"	105° 08' 56"					F-48-31-A
thôn Lũng Lầu	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 01"	105° 12' 16"					F-48-31-A
thôn Lùng Suôi	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 26"	105° 11' 32"					F-48-31-A
xóm Nà Nằm	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 45' 28"	105° 11' 35"					F-48-31-A
thôn Nà Sài	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 26"	105° 10' 03"					F-48-31-A
thôn Nà Thàng	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 45"	105° 09' 31"					F-48-31-A
xóm Nậm Đấu	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 44' 06"	105° 12' 11"					F-48-31-C
xóm Suối Ảng	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 44' 52"	105° 11' 38"					F-48-31-C
xóm Vằng Hùm	DC	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 11"	105° 10' 32"					F-48-31-A
núi Lũng Càng	SV	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 42' 13"	105° 11' 47"					F-48-31-C
núi Nà Thàng	SV	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 59"	105° 09' 30"					F-48-31-A
suối Nậm Chì	TV	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê			22° 47' 45"	105° 11' 17"	22° 46' 14"	105° 10' 15"	F-48-31-A
suối Nậm Đấu	TV	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê			22° 42' 03"	105° 10' 31"	22° 44' 27"	105° 12' 07"	F-48-31-C
suối Nậm Mạ	TV	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê			22° 46' 57"	105° 08' 58"	22° 43' 57"	105° 13' 25"	F-48-31-A F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Nà Sài	KX	xã Minh Ngọc	H. Bắc Mê	22° 46' 37"	105° 10' 55"					F-48-31-A
thôn Bản Kẹp A	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 51' 16"	105° 14' 41"					F-48-31-A
thôn Bản Kẹp B	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 52' 21"	105° 14' 49"					F-48-31-A
thôn Bản Vàn	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 48' 28"	105° 14' 05"					F-48-31-A
thôn Bình Ba	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 50' 15"	105° 10' 51"					F-48-31-A
thôn Kho Lán	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 47' 42"	105° 14' 13"					F-48-31-A
thôn Khuổi Kẹp	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 52' 02"	105° 10' 16"					F-48-31-A
thôn Khuổi Lòa	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 50' 06"	105° 09' 42"					F-48-31-A
thôn Lùng Quốc	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 48' 07"	105° 15' 17"					F-48-31-B
thôn Lùng Thóa	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 50' 21"	105° 13' 10"					F-48-31-A
thôn Lũng Vầy	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 53' 08"	105° 10' 13"					F-48-31-A
thôn Nà Ngoòng	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 49' 25"	105° 13' 55"					F-48-31-A
thôn Nà Sáng	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 51' 21"	105° 10' 39"					F-48-31-A
thôn Ngọc Trì	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 49' 11"	105° 12' 13"					F-48-31-A
thôn Pia Đeng	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 50' 55"	105° 09' 39"					F-48-31-A
thôn Suối Thầu	DC	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 51' 27"	105° 12' 11"					F-48-31-A
dãy Đá Ngược	SV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 53' 55"	105° 12' 26"					F-48-31-A
núi Kho Man	SV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 49' 55"	105° 11' 32"					F-48-31-A
núi Kho Nóng	SV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 48' 56"	105° 10' 55"					F-48-31-A
núi Mường Chà	SV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 53' 31"	105° 12' 52"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pi A Tền	SV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê	22° 49' 27"	105° 12' 43"					F-48-31-A
suối Bó Pèng	TV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê			22° 51' 26"	105° 14' 40"	22° 47' 46"	105° 11' 18"	F-48-31-A
suối Lũng Vầy	TV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê			22° 53' 05"	105° 11' 04"	22° 50' 32"	105° 10' 39"	F-48-31-A
suối Nậm Chì	TV	xã Minh Sơn	H. Bắc Mê			22° 50' 32"	105° 10' 39"	22° 47' 45"	105° 11' 17"	F-48-31-A
thôn Cụp Nhùng	DC	xã Phiêng Luông	H. Bắc Mê	22° 39' 45"	105° 19' 43"					F-48-31-D
thôn Phiêng Đáy	DC	xã Phiêng Luông	H. Bắc Mê	22° 39' 44"	105° 19' 21"					F-48-31-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Phiêng Luông	H. Bắc Mê	22° 38' 24"	105° 18' 33"					F-48-31-D
thôn Bản Tính	DC	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 43' 37"	105° 24' 32"					F-48-31-D
thôn Khuổi Tầu	DC	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 44' 27"	105° 28' 14"					F-48-31-D
thôn Nặm Ắn	DC	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 42' 57"	105° 27' 41"					F-48-31-D
thôn Tắn Khâu	DC	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 43' 44"	105° 26' 09"					F-48-31-D
núi Nà Lìu	SV	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 44' 00"	105° 28' 29"					F-48-31-D
núi Pía My	SV	xã Phú Nam	H. Bắc Mê	22° 42' 38"	105° 28' 46"					F-48-31-D
suối Phiêng Yến	TV	xã Phú Nam	H. Bắc Mê			22° 42' 52"	105° 27' 46"	22° 45' 22"	105° 28' 06"	F-48-31-D F-48-31-B
thôn Bách Sơn	DC	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 39' 40"	105° 15' 17"					F-48-31-D
thôn Khuổi Nấng	DC	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 41' 16"	105° 14' 11"					F-48-31-C
thôn Khuổi Trang	DC	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 40' 58"	105° 17' 00"					F-48-31-D
thôn Nà Lại	DC	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 42' 10"	105° 14' 42"					F-48-31-C
thôn Tả Luồng	DC	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 42' 19"	105° 13' 13"					F-48-31-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khuổi Chó	SV	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê	22° 38' 48"	105° 16' 26"					F-48-31-D
suối Bản Chàng	TV	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê			22° 40' 52"	105° 16' 52"	22° 39' 54"	105° 15' 28"	F-48-31-D
sông Gâm	TV	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê			22° 43' 57"	105° 13' 27"	22° 38' 59"	105° 14' 32"	F-48-31-D
suối Phiêng Đáy	TV	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê			22° 38' 52"	105° 17' 48"	22° 40' 05"	105° 16' 10"	F-48-31-D
suối Tả Luồng	TV	xã Thượng Tân	H. Bắc Mê			22° 40' 24"	105° 13' 05"	22° 41' 33"	105° 14' 29"	F-48-31-C
thôn Bản Khun	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 40' 12"	105° 21' 30"					F-48-31-D
thôn Bản Nghè	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 41' 07"	105° 23' 19"					F-48-31-D
thôn Bản Trà	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 42' 19"	105° 23' 37"					F-48-31-D
thôn Bản Trang	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 41' 35"	105° 22' 47"					F-48-31-D
thôn Bản Túm	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 40' 48"	105° 26' 15"					F-48-31-D
thôn Cốc Phát	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 43' 13"	105° 22' 18"					F-48-31-D
thôn Đồn Điền	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 43' 30"	105° 22' 25"					F-48-31-D
xóm Khau Thiết	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 43' 34"	105° 21' 35"					F-48-31-D
xóm Nà Chom	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 42' 29"	105° 22' 24"					F-48-31-D
thôn Nà Khảo	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 41' 14"	105° 20' 42"					F-48-31-D
thôn Nà Lỳ	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 40' 48"	105° 25' 05"					F-48-31-D
thôn Tả Lùng	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 41' 57"	105° 20' 27"					F-48-31-D
thôn Tiến Xuân	DC	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 43' 10"	105° 20' 52"					F-48-31-D
núi Phù Luông	SV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê	22° 43' 19"	105° 23' 09"					F-48-31-D
suối Bản Khun	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 38' 49"	105° 20' 09"	22° 40' 29"	105° 22' 42"	F-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Nghé	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 39' 44"	105° 22' 20"	22° 41' 23"	105° 22' 49"	F-48-31-D
suối Ký Rì	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 41' 18"	105° 18' 20"	22° 41' 55"	105° 20' 03"	F-48-31-D
suối Mía	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 41' 23"	105° 22' 49"	22° 43' 55"	105° 22' 12"	F-48-31-D
suối Nà Nang	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 40' 03"	105° 19' 52"	22° 41' 18"	105° 22' 45"	F-48-31-D
suối Trần	TV	xã Yên Cường	H. Bắc Mê			22° 41' 07"	105° 19' 08"	22° 41' 27"	105° 19' 31"	F-48-31-D
thôn Bản Bó	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 49' 24"	105° 06' 18"					F-48-31-A
thôn Bản Loan	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 40"	105° 06' 27"					F-48-31-A
xóm Cốc Nghè	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 53"	105° 06' 15"					F-48-31-A
thôn Khuổi Trông	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 47' 52"	105° 05' 07"					F-48-31-A
xóm Lùng Puồng	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 24"	105° 08' 59"					F-48-31-A
thôn Nà Han	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 47' 57"	105° 07' 47"					F-48-31-A
thôn Nà Khuổng	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 47' 00"	105° 08' 52"					F-48-31-A
thôn Nà Sá	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 00"	105° 08' 45"					F-48-31-A
thôn Nà Yến	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 30"	105° 08' 11"					F-48-31-A
thôn Phia Dầu	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 47' 40"	105° 06' 15"					F-48-31-A
thôn Tạm Mò	DC	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 49' 42"	105° 03' 27"					F-48-31-A
núi Ca Chắp	SV	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 31"	105° 10' 04"					F-48-31-A
núi Đá Dầu	SV	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 46' 45"	105° 07' 13"					F-48-31-A
núi Lùng Tắm	SV	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 49' 07"	105° 07' 14"					F-48-31-A
núi Lũng Vài	SV	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 49' 20"	105° 09' 16"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mạ	TV	xã Yên Định	H. Bắc Mê			22° 49' 56"	105° 06' 14"	22° 46' 57"	105° 08' 58"	F-48-31-A
suối Nà Yến	TV	xã Yên Định	H. Bắc Mê			22° 49' 30"	105° 08' 12"	22° 48' 16"	105° 07' 36"	F-48-31-A
suối Sả	TV	xã Yên Định	H. Bắc Mê			22° 49' 17"	105° 09' 39"	22° 47' 49"	105° 08' 19"	F-48-31-A
suối Thàng B	TV	xã Yên Định	H. Bắc Mê			22° 48' 32"	105° 09' 43"	22° 47' 08"	105° 09' 44"	F-48-31-A
cầu 18	KX	xã Yên Định	H. Bắc Mê	22° 48' 52"	105° 06' 45"					F-48-31-A
thôn Bản Đuốc	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 45' 07"	105° 22' 41"					F-48-31-B
thôn Bản Lầng	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 45' 24"	105° 23' 44"					F-48-31-B
thôn Bản Tắn	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 45' 53"	105° 24' 49"					F-48-31-B
thôn Khun	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 46' 01"	105° 24' 24"					F-48-31-B
thôn Lùng Phèng	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 46' 07"	105° 23' 02"					F-48-31-B
thôn Nà Vuồng	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 45' 18"	105° 25' 39"					F-48-31-B
thôn Phiêng Xa	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 44' 53"	105° 24' 15"					F-48-31-D
thôn Thanh Tâm	DC	xã Yên Phong	H. Bắc Mê	22° 47' 00"	105° 23' 02"					F-48-31-B
tổ 1	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 56"	104° 49' 00"					F-48-42-B
tổ 10	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 23' 42"	104° 49' 26"					F-48-42-B
tổ 12	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 59"	104° 47' 51"					F-48-42-B
tổ 6	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 08"	104° 48' 02"					F-48-42-B
thôn Cầu Ham	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 23' 31"	104° 47' 59"					F-48-42-B
thôn Cầu Thủy	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 42"	104° 47' 03"					F-48-42-B
thôn Minh Thành	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 07"	104° 49' 13"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Sơn	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 51"	104° 46' 55"					F-48-42-B
thôn Thanh Bình	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 25' 25"	104° 48' 44"					F-48-42-B
thôn Thanh Sơn	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 25' 26"	104° 47' 40"					F-48-42-B
thôn Việt Tân	DC	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 01"	104° 47' 16"					F-48-42-B
núi Bó Ngần	SV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 25' 00"	104° 49' 32"					F-48-42-B
núi Khau Giáo	SV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 29"	104° 48' 11"					F-48-42-B
núi Khuổi Đun	SV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 23' 57"	104° 47' 45"					F-48-42-B
nậm Khóa	TV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang			22° 25' 32"	104° 46' 18"	22° 24' 47"	104° 46' 21"	F-48-42-B
ngòi Mám	TV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang			22° 25' 21"	104° 49' 29"	22° 25' 03"	104° 49' 18"	F-48-42-B
suối Nậm Điên	TV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang			22° 26' 28"	104° 46' 52"	22° 24' 47"	104° 46' 37"	F-48-42-B
ngòi Thúy	TV	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang			22° 27' 32"	104° 48' 12"	22° 24' 40"	104° 45' 52"	F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang			22° 23' 24"	104° 50' 02"	22° 25' 11"	104° 49' 28"	F-48-42-B
cầu Mám	KX	TT. Việt Quang	H. Bắc Quang	22° 24' 57"	104° 49' 21"					F-48-42-B
tổ Bình Long	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 15' 22"	104° 54' 12"					F-48-42-B
thôn Ngòi Cò	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 15' 48"	104° 53' 16"					F-48-42-B
tổ Phố Mới	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 16' 29"	104° 53' 20"					F-48-42-B
tổ Quyết Tiến	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 15' 42"	104° 54' 02"					F-48-42-B
tổ Tân Lập	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 17' 10"	104° 53' 08"					F-48-42-B
thôn Tự Lập	DC	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 16' 47"	104° 53' 45"					F-48-42-B
núi Cấm	SV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 17' 05"	104° 53' 41"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Đá To	SV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 15' 10"	104° 53' 40"					F-48-42-B
sông Con	TV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang			22° 15' 52"	104° 52' 28"	22° 16' 23"	104° 53' 21"	F-48-42-B
sông Lô	TV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang			22° 16' 53"	104° 54' 24"	22° 14' 29"	104° 54' 58"	F-48-42-B F-48-42-D
suối Ngòi Cò	TV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang			22° 15' 20"	104° 53' 05"	22° 15' 50"	104° 53' 14"	F-48-42-B
ngòi Vạt	TV	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang			22° 17' 36"	104° 53' 04"	22° 16' 37"	104° 53' 32"	F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang			22° 14' 31"	104° 54' 55"	22° 17' 37"	104° 53' 02"	F-48-42-B F-48-42-D
cầu Trì	KX	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 14' 28"	104° 54' 56"					F-48-42-D
cầu Vĩnh Tuy	KX	TT. Vĩnh Tuy	H. Bắc Quang	22° 16' 20"	104° 53' 17"					F-48-42-B
làng Chang	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 55"	104° 58' 07"					F-48-42-B
thôn Khuổi Luồn	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 31"	105° 01' 17"					F-48-43-A
bản Lái	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 26' 02"	105° 00' 19"					F-48-43-A
thôn Linh	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 16"	104° 58' 38"					F-48-42-B
làng Lình	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 24' 46"	105° 00' 15"					F-48-43-A
thôn Luông	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 27' 21"	104° 58' 46"					F-48-42-B
làng Nà Bằng	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 09"	104° 59' 39"					F-48-42-B
thôn Nà Nịnh	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 10"	105° 00' 00"					F-48-43-A
làng Ninh	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 41"	104° 59' 22"					F-48-42-B
thôn Thác	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 26' 29"	104° 58' 28"					F-48-42-B
thôn Thác Cam	DC	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 27' 17"	104° 59' 15"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Chang	SV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 25' 21"	105° 00' 13"					F-48-43-A
núi Khau Xóm	SV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang	22° 26' 21"	104° 57' 33"					F-48-42-B
ngòi Chang	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 24' 16"	104° 59' 02"	22° 25' 38"	104° 57' 37"	F-48-42-B
ngòi Hít	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 24' 35"	105° 00' 24"	22° 26' 10"	104° 59' 15"	F-48-43-A F-48-42-B
ngòi Sảo	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 28' 26"	105° 00' 03"	22° 25' 38"	104° 57' 31"	F-48-43-A F-48-42-B
ngòi Than	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 26' 37"	105° 00' 04"	22° 26' 51"	104° 59' 16"	F-48-43-A F-48-42-B
ngòi Thản	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 25' 40"	105° 01' 33"	22° 26' 37"	105° 00' 04"	F-48-43-A
khuổi Vặc	TV	xã Bằng Hành	H. Bắc Quang			22° 27' 24"	104° 58' 15"	22° 27' 17"	104° 59' 02"	F-48-42-B
thôn Bản Buốt	DC	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 28' 42"	104° 54' 14"					F-48-42-B
thôn Châng	DC	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 29' 46"	104° 56' 18"					F-48-42-B
thôn Nậm Tuộc	DC	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 29' 38"	104° 53' 35"					F-48-42-B
thôn Pha	DC	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 29' 45"	104° 54' 18"					F-48-42-B
núi Boóc khem	SV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 31' 17"	104° 58' 23"					F-48-30-D
núi Khau Thuối	SV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 28' 44"	104° 55' 59"					F-48-42-B
núi Lùng Vản	SV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang	22° 28' 04"	104° 54' 21"					F-48-42-B
ngòi Buốt	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 29' 40"	104° 55' 17"	22° 28' 11"	104° 53' 48"	F-48-42-B
ngòi Buột	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 29' 17"	104° 57' 47"	22° 27' 54"	104° 56' 18"	F-48-42-B
ngòi Châng	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 30' 31"	104° 56' 44"	22° 27' 39"	104° 55' 06"	F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 29' 09"	104° 52' 47"	22° 26' 45"	104° 54' 33"	F-48-42-B
suối Pha	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 31' 07"	104° 57' 53"	22° 28' 44"	104° 53' 41"	F-48-30-D F-48-42-B
suối Tuộc	TV	xã Đồng Tâm	H. Bắc Quang			22° 29' 41"	104° 53' 39"	22° 28' 52"	104° 53' 31"	F-48-42-B
thôn Đông Thành	DC	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 13' 36"	104° 50' 20"					F-48-42-D
thôn Khuổi Niếng	DC	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 14' 56"	104° 53' 28"					F-48-42-D
thôn Khuổi Trì	DC	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 12' 17"	104° 53' 33"					F-48-42-D
thôn Tân Thành	DC	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 14' 06"	104° 50' 44"					F-48-42-D
thôn Tiến Thành	DC	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 14' 36"	104° 52' 07"					F-48-42-D
núi Làng Búng	SV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 12' 17"	104° 48' 41"					F-48-42-D
núi Lung Bung	SV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 11' 26"	104° 48' 43"					F-48-42-D
núi Tam Tỉnh	SV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang	22° 11' 10"	104° 50' 48"					F-48-42-D
khuổi Hốc	TV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang			22° 13' 53"	104° 52' 39"	22° 14' 40"	104° 53' 05"	F-48-42-D
ngòi Lang Giang	TV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang			22° 10' 51"	104° 48' 01"	22° 11' 59"	104° 46' 35"	F-48-42-D
khuổi Luông	TV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang			22° 13' 30"	104° 48' 05"	22° 14' 40"	104° 53' 05"	F-48-42-D
khuổi Thu	TV	xã Đông Thành	H. Bắc Quang			22° 12' 35"	104° 49' 27"	22° 13' 30"	104° 50' 11"	F-48-42-D
làng Buột	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 28' 12"	104° 56' 27"					F-48-42-B
thôn Buột	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 29' 35"	104° 57' 35"					F-48-42-B
thôn Cuôm	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 30' 56"	105° 00' 38"					F-48-31-C
thôn Nà Chàm	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 31' 24"	105° 00' 22"					F-48-31-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiến	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 32' 05"	105° 01' 08"					F-48-31-C
thôn Pu Đồn	DC	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 30' 19"	104° 56' 41"					F-48-30-D
pù Khau Lùng	SV	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 30' 49"	104° 59' 02"					F-48-30-D
pú Nà Bản	SV	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang	22° 29' 53"	104° 59' 47"					F-48-42-B
suối Măng	TV	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang			22° 31' 38"	105° 03' 14"	22° 32' 10"	105° 01' 15"	F-48-31-C
suối Sảo	TV	xã Đồng Tiến	H. Bắc Quang			22° 33' 31"	105° 01' 33"	22° 29' 55"	105° 01' 27"	F-48-31-C F-48-43-A
thôn An Ninh	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 57"	104° 46' 18"					F-48-42-D
thôn An Xuân	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 32"	104° 46' 33"					F-48-42-D
thôn Bưa	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 12' 09"	104° 45' 39"					F-48-42-D
bản Chang	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 12' 43"	104° 46' 37"					F-48-42-D
thôn Đồng Hương	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 34"	104° 46' 07"					F-48-42-D
thôn Đồng Kem	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 13' 03"	104° 47' 39"					F-48-42-D
làng Đồng Lang	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 12' 23"	104° 45' 41"					F-48-42-D
thôn Đồng Mừng	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 13' 17"	104° 47' 22"					F-48-42-D
thôn Kem	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 13' 42"	104° 48' 06"					F-48-42-D
thôn Phố Cáo	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 48"	104° 46' 41"					F-48-42-D
thôn Thượng An	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 16"	104° 46' 50"					F-48-42-D
thôn Tượng	DC	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 10' 51"	104° 45' 40"					F-48-42-D
núi Hoàng Anh	SV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 43"	104° 44' 27"					F-48-42-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mai Đồng	SV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 56"	104° 43' 24"					F-48-42-C
khuổi Luông	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 12' 27"	104° 45' 31"	22° 13' 30"	104° 48' 05"	F-48-42-D
khuổi Mỳ	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 12' 17"	104° 44' 04"	22° 12' 06"	104° 45' 28"	F-48-42-C F-48-42-D
khuổi Nọi	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 12' 06"	104° 45' 28"	22° 12' 23"	104° 45' 56"	F-48-42-D
khuổi Sáu	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 10' 51"	104° 48' 01"	22° 11' 59"	104° 46' 35"	F-48-42-D
hồ Thâm Pổng	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang	22° 11' 40"	104° 45' 29"					F-48-42-D
suối Tưởng	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 10' 32"	104° 45' 41"	22° 11' 54"	104° 46' 17"	F-48-42-D
khuổi Xá	TV	xã Đồng Yên	H. Bắc Quang			22° 11' 39"	104° 45' 00"	22° 12' 06"	104° 45' 28"	F-48-42-D
khu Khau Đôn	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 19' 12"	105° 00' 23"					F-48-43-A
khu Nà Hốc	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 18' 43"	105° 02' 07"					F-48-43-A
thôn Nặm Tậu	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 18' 50"	105° 00' 55"					F-48-43-A
thôn Phiêng Phầy	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 20' 12"	105° 02' 46"					F-48-43-A
thôn Xuân Đường	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 19' 54"	105° 01' 01"					F-48-43-A
thôn Xuân Mới	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 17' 39"	105° 02' 12"					F-48-43-A
thôn Xuân Mới	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 18' 02"	105° 02' 01"					F-48-43-A
thôn Xuân Thành	DC	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 20' 19"	104° 02' 10"					F-48-43-A
núi Khau Đeng	SV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 18' 12"	105° 02' 27"					F-48-43-A
núi Lạc Bản	SV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 19' 58"	105° 02' 16"					F-48-43-A
núi Phiêng Mu	SV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 16' 24"	105° 01' 00"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ba	TV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang			22° 19' 58"	105° 00' 35"	22° 20' 40"	105° 02' 38"	F-48-43-A
núi Cao Đường	TV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang	22° 17' 54"	105° 00' 17"					F-48-43-A
suối Khau Đeng	TV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang			22° 17' 01"	105° 00' 19"	22° 18' 39"	105° 02' 09"	F-48-43-A
suối Kho Đau	TV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang			22° 18' 39"	105° 02' 09"	22° 19' 25"	105° 03' 26"	F-48-43-A
suối Khun Thua	TV	xã Đức Xuân	H. Bắc Quang			22° 17' 11"	105° 01' 28"	22° 18' 12"	105° 01' 54"	F-48-43-A
đội 1	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 40"	104° 52' 48"					F-48-42-B
đội 2 Nông Trường	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 50"	104° 53' 10"					F-48-42-B
đội 3	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 05"	104° 52' 36"					F-48-42-B
đội 3 Lâm Nghiệp	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 18' 49"	104° 52' 52"					F-48-42-B
đội 6 Nông Trường	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 07"	104° 52' 44"					F-48-42-B
thôn An Tiến	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 52"	104° 52' 04"					F-48-42-B
xóm Bản Giộc	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 55"	104° 52' 16"					F-48-42-B
thôn Bó Loỏng	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 33"	104° 53' 03"					F-48-42-B
thôn Đá Bàn	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 21"	104° 53' 06"					F-48-42-B
thôn Hùng Tâm	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 06"	104° 51' 19"					F-48-42-B
thôn Hùng Thắng	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 21' 58"	104° 50' 20"					F-48-42-B
thôn Hùng Tiến	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 21' 21"	104° 51' 59"					F-48-42-B
làng Mới	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 22' 22"	104° 49' 05"					F-48-42-B
xóm Nà Chàm	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 23' 11"	104° 48' 44"					F-48-42-B
thôn Tân An	DC	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 17"	104° 52' 17"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cổng Đá	SV	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 18' 54"	104° 53' 09"					F-48-42-B
núi Đàn Khao	SV	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 55"	104° 50' 06"					F-48-42-B
pù Páng	SV	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 22' 35"	104° 48' 33"					F-48-42-B
núi Pó Loỏng	SV	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 21' 02"	104° 53' 08"					F-48-42-B
suối Hùng An	TV	xã Hùng An	H. Bắc Quang			22° 22' 18"	104° 49' 29"	22° 20' 00"	104° 52' 15"	F-48-42-B
nậm Lèm	TV	xã Hùng An	H. Bắc Quang			22° 18' 28"	104° 53' 04"	22° 18' 59"	104° 53' 40"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Hùng An	H. Bắc Quang			22° 21' 20"	104° 53' 55"	22° 18' 59"	104° 53' 45"	F-48-42-B
ngòi Man	TV	xã Hùng An	H. Bắc Quang			22° 20' 32"	104° 50' 52"	22° 19' 18"	104° 53' 21"	F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	xã Hùng An	H. Bắc Quang							F-48-42-B
Công ty Cổ phần chè Hùng An	KX	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 20' 25"	104° 52' 51"					F-48-42-B
cầu Hùng Nỗ	KX	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 50"	104° 52' 28"					F-48-42-B
Công ty Lâm nghiệp Vĩnh Hảo	KX	xã Hùng An	H. Bắc Quang	22° 19' 27"	104° 52' 20"					F-48-42-B
bản Há	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 26' 19"	105° 03' 28"					F-48-43-A
làng Hoa	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 24' 23"	105° 03' 49"					F-48-43-A
thôn Khuổi Luồn	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 25' 16"	105° 01' 57"					F-48-43-A
khu Khuổi Va	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 26' 12"	105° 03' 07"					F-48-43-A
làng Lự	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 25' 09"	105° 01' 48"					F-48-43-A
làng Nà Khén	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 25' 10"	105° 03' 06"					F-48-43-A
thôn Thành Công	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 24' 55"	105° 02' 38"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Sơn	DC	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 25' 12"	105° 04' 21"					F-48-43-A
pù Điếm	SV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 27' 57"	105° 06' 32"					F-48-43-A
núi Khau Đi	SV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 25' 12"	105° 01' 18"					F-48-43-A
núi Khau Phạ	SV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang	22° 26' 33"	105° 02' 31"					F-48-43-A
suối Chà	TV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang			22° 25' 08"	105° 04' 18"	22° 24' 42"	105° 03' 17"	F-48-43-A
khuổi Khàn	TV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang			22° 24' 12"	105° 05' 11"	22° 23' 28"	105° 04' 25"	F-48-43-A
nậm Khao	TV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang			22° 27' 52"	105° 04' 33"	22° 27' 13"	105° 04' 46"	F-48-43-A
ngòi Than	TV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang			22° 24' 42"	105° 03' 17"	22° 25' 40"	105° 01' 33"	F-48-43-A
suối Thin	TV	xã Hữu Sản	H. Bắc Quang			22° 27' 16"	105° 05' 12"	22° 25' 08"	105° 04' 18"	F-48-43-A
làng Chù	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 13"	104° 54' 39"					F-48-42-B
làng Đồng Rôm	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 12"	104° 55' 46"					F-48-42-B
bản Liên	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 58"	104° 57' 11"					F-48-42-B
thôn Mâng	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 26' 23"	104° 56' 48"					F-48-42-B
thôn Minh Khai	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 26' 01"	104° 55' 31"					F-48-42-B
thôn Minh Tường	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 26' 30"	104° 55' 03"					F-48-42-B
làng Nà Toòng	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 43"	104° 54' 49"					F-48-42-B
thôn Nặm Mái	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 28' 51"	104° 57' 35"					F-48-42-B
làng Ngược	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 58"	104° 55' 05"					F-48-42-B
thôn Quý Quốc	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 26' 38"	104° 55' 40"					F-48-42-B
thôn Tân Điền	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 25' 25"	104° 55' 32"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vãng	DC	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang	22° 26' 00"	104° 56' 16"					F-48-42-B
ngòi Bột	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 27' 54"	104° 56' 18"	22° 26' 32"	104° 54' 57"	F-48-42-B
ngòi Châng	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 27' 39"	104° 55' 07"	22° 26' 45"	104° 54' 47"	F-48-42-B
sông Đồng Rôm	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 25' 17"	104° 54' 50"	22° 25' 54"	104° 54' 38"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 26' 45"	104° 54' 33"	22° 24' 52"	104° 53' 56"	F-48-42-B
ngòi Mái	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 28' 39"	104° 58' 05"	22° 26' 09"	104° 56' 26"	F-48-42-B
suối Ngược	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 25' 06"	104° 56' 33"	22° 25' 41"	104° 55' 23"	F-48-42-B
ngòi Sảo	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 25' 38"	104° 57' 31"	22° 26' 00"	104° 55' 02"	F-48-42-B
suối Vạc	TV	xã Kim Ngọc	H. Bắc Quang			22° 24' 42"	104° 58' 05"	22° 24' 42"	104° 57' 44"	F-48-42-B
thôn Ba Hồng	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 24' 17"	105° 01' 02"					F-48-43-A
thôn Đi	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 24' 25"	105° 00' 11"					F-48-43-A
làng Hoa	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 26"	105° 03' 46"					F-48-43-A
xóm Loan	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 58"	105° 01' 20"					F-48-43-A
thôn Muộng	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 24' 11"	105° 01' 40"					F-48-43-A
thôn Nà Ôm	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 06"	105° 02' 46"					F-48-43-A
thôn Tân Thành 1	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 37"	105° 02' 01"					F-48-43-A
thôn Tân Thành 2	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 21"	105° 02' 46"					F-48-43-A
thôn Tân Thành 3	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 10"	105° 03' 04"					F-48-43-A
xóm Thác Va	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 01"	105° 04' 10"					F-48-43-A
xóm Thiêu	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 46"	105° 02' 36"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Thìu	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 30"	105° 02' 56"					F-48-43-A
thôn Trung Tâm	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 23' 56"	105° 01' 01"					F-48-43-A
làng Va	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 21' 50"	105° 04' 34"					F-48-43-A
làng Vài	DC	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 55"	105° 03' 00"					F-48-43-A
núi Đán Pục	SV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 55"	105° 03' 13"					F-48-43-A
núi Khâu Đén	SV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 21' 18"	105° 04' 52"					F-48-43-A
núi Lũng Tao	SV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 21' 27"	105° 03' 31"					F-48-43-A
núi Pù Hấu	SV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang	22° 22' 36"	104° 59' 42"					F-48-42-B
ngòi Hít	TV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang			22° 23' 16"	105° 03' 02"	22° 24' 35"	105° 00' 24"	F-48-43-A
khuổi Nàng	TV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang			22° 23' 41"	105° 00' 08"	22° 24' 12"	105° 00' 43"	F-48-43-A
suối Thác Và	TV	xã Liên Hiệp	H. Bắc Quang			22° 22' 21"	105° 03' 53"	22° 23' 19"	105° 02' 43"	F-48-43-A
thôn Bế Triều	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 22' 55"	104° 51' 47"					F-48-42-B
làng Chúa	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 22' 21"	104° 52' 57"					F-48-42-B
thôn Hoàng Văn Thụ	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 21' 57"	104° 52' 05"					F-48-42-B
xóm Hoàng Văn Thụ 3	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 22' 49"	104° 52' 25"					F-48-42-B
thôn Khiềm	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 24' 28"	104° 51' 17"					F-48-42-B
thôn Lung Cu	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 26' 00"	104° 53' 48"					F-48-42-B
thôn Minh Khai	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 32"	104° 52' 33"					F-48-42-B
thôn Minh Lập	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 25' 19"	104° 52' 18"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Minh Tâm	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 54"	104° 52' 49"					F-48-42-B
thôn Minh Tiến	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 29"	104° 50' 42"					F-48-42-B
xóm Nà Sơn	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 25' 20"	104° 52' 35"					F-48-42-B
thôn Nái	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 21' 54"	104° 53' 05"					F-48-42-B
thôn Pắc Há	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 21"	104° 50' 05"					F-48-42-B
thôn Pù Ngọm	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 26' 02"	104° 53' 22"					F-48-42-B
thôn Quán	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 31"	104° 51' 58"					F-48-42-B
làng Rát	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 24' 56"	104° 52' 12"					F-48-42-B
làng Táng	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 23' 53"	104° 51' 02"					F-48-42-B
thôn Thống Nhất	DC	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 22' 37"	104° 51' 27"					F-48-42-B
núi Khao Moi	SV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 26' 06"	104° 52' 51"					F-48-42-B
ngòi Đâm	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 25' 14"	104° 50' 44"	22° 24' 39"	104° 49' 57"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 26' 45"	104° 54' 33"	22° 21' 20"	104° 53' 55"	F-48-42-B
ngòi Mám	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 24' 16"	104° 50' 27"	22° 23' 22"	104° 53' 06"	F-48-42-B
ngòi Pá Lát	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 25' 02"	104° 51' 49"	22° 25' 16"	104° 53' 26"	F-48-42-B
hồ Quang Minh	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 24' 25"	104° 49' 56"					F-48-42-B
ngòi Tát	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 24' 02"	104° 52' 41"	22° 23' 35"	104° 53' 03"	F-48-42-B
hồ Thống Nhất	TV	xã Quang Minh	H. Bắc Quang	22° 22' 16"	104° 52' 09"					F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	xã Quang Minh	H. Bắc Quang			22° 23' 00"	104° 50' 00"	22° 23' 24"	104° 50' 02"	F-48-42-B
thôn Chu Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 31' 49"	104° 50' 23"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khá Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 30' 15"	104° 48' 30"					F-48-30-D
thôn Khá Thượng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 31' 55"	104° 48' 56"					F-48-30-D
thôn Khá Trung	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 31' 00"	104° 48' 43"					F-48-30-D
thôn Minh Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 29' 57"	104° 50' 08"					F-48-42-B
thôn Minh Thượng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 30' 46"	104° 50' 26"					F-48-30-D
khu Nậm An	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 33' 37"	104° 52' 33"					F-48-30-D
dãy Khau Kháu	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 36' 05"	104° 49' 49"					F-48-30-D
núi Phày Tài	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang	22° 28' 37"	104° 47' 24"					F-48-42-B
khe Bình Dịu	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang			22° 29' 21"	104° 48' 10"	22° 29' 56"	104° 49' 30"	F-48-42-B
khe Hạ	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang			22° 29' 15"	104° 49' 46"	22° 30' 11"	104° 50' 46"	F-48-42-B F-48-30-D
nậm Mu	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang			22° 34' 39"	104° 48' 44"	22° 33' 04"	104° 52' 28"	F-48-30-D
suối Nậm Chu	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang			22° 31' 13"	104° 51' 28"	22° 31' 10"	104° 52' 41"	F-48-30-D
ngòi Quang	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Quang			22° 31' 36"	104° 49' 56"	22° 29' 41"	104° 51' 41"	F-48-30-D F-48-42-B
thôn Mộc Lạn	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 29' 24"	104° 52' 40"					F-48-42-B
thôn Mỹ Tân	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 30' 20"	104° 53' 14"					F-48-30-D
thôn Nghĩa Tân	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 30' 42"	104° 52' 34"					F-48-30-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 28' 58"	104° 51' 49"					F-48-42-B
thôn Vinh Quang A	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 29' 11"	104° 52' 34"					F-48-42-B
thôn Vinh Quang B	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 29' 37"	104° 52' 20"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Hòa	DC	xã Tân Quang	H. Bắc Quang	22° 29' 49"	104° 52' 27"					F-48-42-B
suối Cai Hòe	TV	xã Tân Quang	H. Bắc Quang			22° 29' 07"	104° 51' 27"	22° 29' 35"	104° 51' 48"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Tân Quang	H. Bắc Quang			22° 30' 38"	104° 52' 53"	22° 29' 09"	104° 52' 47"	F-48-30-D F-48-42-B
ngòi Quang	TV	xã Tân Quang	H. Bắc Quang			22° 29' 41"	104° 51' 41"	22° 29' 17"	104° 52' 33"	F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	xã Tân Quang	H. Bắc Quang			22° 28' 45"	104° 51' 52"	22° 31' 10"	104° 52' 45"	F-48-30-D F-48-42-B
thôn Bản Cưởm	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 31' 39"	104° 54' 09"					F-48-30-D
thôn Nậm Mu	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 32' 03"	104° 53' 27"					F-48-30-D
thôn Ngần Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 33' 13"	104° 54' 13"					F-48-30-D
thôn Ngần Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 34' 29"	104° 55' 41"					F-48-30-D
thôn Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 30' 58"	104° 53' 41"					F-48-30-D
thôn Tân Thắng	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 31' 36"	104° 53' 04"					F-48-30-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 31' 19"	104° 53' 16"					F-48-30-D
làng Tố	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 30' 05"	104° 54' 33"					F-48-30-D
sông Lô	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Quang			22° 35' 24"	104° 56' 18"	22° 30' 38"	104° 52' 53"	F-48-30-D
suối Nậm An	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Quang			22° 36' 11"	104° 54' 22"	22° 32' 56"	104° 54' 36"	F-48-30-D
suối Nậm Mu	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Quang			22° 33' 04"	104° 52' 28"	22° 32' 37"	104° 53' 44"	F-48-30-D
quốc lộ 2	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Quang			22° 31' 10"	104° 52' 45"	22° 35' 27"	104° 56' 16"	F-48-30-D
cầu Mụ	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 32' 24"	104° 53' 54"					F-48-30-D
cầu Ngần	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Quang	22° 32' 57"	104° 54' 35"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Én	DC	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 29' 44"	105° 03' 44"					F-48-43-A
thôn Khuổi Lý	DC	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 29' 03"	104° 59' 29"					F-48-42-B
thôn Khuổi Tát	DC	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 27' 28"	105° 02' 02"					F-48-43-A
thôn Nà Kèng	DC	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 29' 02"	105° 01' 10"					F-48-43-A
thôn Trung	DC	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 29' 38"	105° 01' 23"					F-48-43-A
núi Khau Én	SV	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang	22° 29' 05"	105° 04' 24"					F-48-43-A
nặm Pạu	TV	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang			22° 28' 07"	105° 03' 02"	22° 28' 32"	105° 00' 43"	F-48-43-A
suối Sảo	TV	xã Thượng Bình	H. Bắc Quang			22° 29' 55"	105° 01' 27"	22° 28' 26"	105° 00' 03"	F-48-43-A
thôn Cào	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 18' 52"	104° 49' 32"					F-48-42-B
làng Chàng	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 18' 37"	104° 50' 05"					F-48-42-B
thôn Giàn Hạ	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 18' 59"	104° 47' 07"					F-48-42-B
thôn Giàn Thượng	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 17' 58"	104° 47' 48"					F-48-42-B
thôn Kiều	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 18' 27"	104° 50' 21"					F-48-42-B
thôn Kim Thượng	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 20' 11"	104° 48' 51"					F-48-42-B
xóm Ngòi My	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 19' 21"	104° 47' 38"					F-48-42-B
xóm Thác Lan	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 18' 12"	104° 48' 35"					F-48-42-B
xóm Thác Vạt	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 17' 46"	104° 48' 32"					F-48-42-B
thôn Thượng Cầu	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 20' 26"	104° 49' 15"					F-48-42-B
làng Tràng	DC	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 19' 06"	104° 50' 51"					F-48-42-B
núi Khau Áng	SV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 19' 51"	104° 51' 21"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khuổi Mù	SV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 17' 27"	104° 49' 19"					F-48-42-B
núi Loong Gió	SV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 19' 29"	104° 49' 24"					F-48-42-B
khau Mỳ	SV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang	22° 17' 25"	104° 46' 20"					F-48-42-B
ngòi Cào	TV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang			22° 17' 46"	104° 49' 40"	22° 18' 25"	104° 50' 02"	F-48-42-B
sông Con	TV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang			22° 20' 27"	104° 47' 19"	22° 18' 25"	104° 50' 53"	F-48-42-B
ngòi Mù	TV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang			22° 16' 59"	104° 47' 18"	22° 19' 08"	104° 47' 44"	F-48-42-B
ngòi My	TV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang			22° 19' 08"	104° 47' 12"	22° 19' 05"	104° 47' 43"	F-48-42-B
ngòi Sang	TV	xã Tiên Kiều	H. Bắc Quang			22° 20' 05"	104° 48' 29"	22° 19' 14"	104° 48' 25"	F-48-42-B
xóm Cam Quýt	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 52"	104° 46' 28"					F-48-42-B
thôn Hồng Quân	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 10"	104° 48' 34"					F-48-42-B
thôn Hồng Thái	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 21' 40"	104° 47' 46"					F-48-42-B
xóm Làng Màng	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 02"	104° 45' 30"					F-48-42-B
thôn Mê 1	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 23' 31"	104° 45' 53"					F-48-42-B
thôn Việt An	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 21' 13"	104° 48' 41"					F-48-42-B
thôn Việt Hà	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 34"	104° 45' 48"					F-48-42-B
thôn Việt Thắng	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 09"	104° 45' 57"					F-48-42-B
thôn Việt Thành	DC	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 05"	104° 46' 35"					F-48-42-B
núi Cam Quýt	SV	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 41"	104° 47' 01"					F-48-42-B
núi Khau Pòa	SV	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 21' 36"	104° 49' 26"					F-48-42-B
núi Thắm Hòn	SV	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang	22° 22' 06"	104° 47' 38"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cại	TV	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang			22° 23' 10"	104° 47' 04"	22° 21' 16"	104° 46' 28"	F-48-42-B
sông Con	TV	xã Việt Hồng	H. Bắc Quang			22° 22' 44"	104° 44' 54"	22° 20' 27"	104° 47' 19"	F-48-42-A F-48-42-B
làng Pin	DC	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 27' 51"	104° 52' 47"					F-48-42-B
thôn Tân Tạo	DC	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 28' 33"	104° 53' 03"					F-48-42-B
thôn Thượng Mỹ	DC	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 28' 29"	104° 51' 31"					F-48-42-B
thôn Việt Tân	DC	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 27' 53"	104° 51' 00"					F-48-42-B
dãy Khau Kháu	SV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 28' 44"	104° 50' 14"					F-48-42-B
suối Bị	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 28' 03"	104° 50' 01"	22° 28' 17"	104° 51' 46"	F-48-42-B
nậm Buông	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 27' 20"	104° 51' 10"	22° 28' 36"	104° 52' 06"	F-48-42-B
Nặm Đâm	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 25' 14"	104° 50' 44"	22° 24' 39"	104° 49' 57"	F-48-42-B
nậm Ký	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 27' 14"	104° 50' 37"	22° 28' 17"	104° 51' 46"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 29' 09"	104° 52' 47"	22° 26' 45"	104° 54' 33"	F-48-42-B
ngòi Mám	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 27' 14"	104° 49' 35"	22° 25' 21"	104° 49' 29"	F-48-42-B
nậm Mặt	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 28' 35"	104° 50' 57"	22° 28' 24"	104° 51' 50"	F-48-42-B
ngòi Phin	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 26' 38"	104° 52' 18"	22° 27' 46"	104° 53' 36"	F-48-42-B
ngòi Pia	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 28' 17"	104° 51' 46"	22° 29' 07"	104° 52' 42"	F-48-42-B
nậm Quất	TV	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 26' 25"	104° 50' 57"	22° 28' 55"	104° 52' 29"	F-48-42-B
quốc lộ 2	KX	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang			22° 25' 11"	104° 49' 28"	22° 28' 45"	104° 51' 52"	F-48-42-B
cầu Bị	KX	xã Việt Vinh	H. Bắc Quang	22° 28' 27"	104° 51' 50"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ba Luồng	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 17' 17"	104° 52' 15"					F-48-42-B
khu Cống Đá	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 16"	104° 52' 56"					F-48-42-B
thôn Khuổi Ít	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 00"	104° 53' 07"					F-48-42-B
thôn Khuổi Mù	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 15' 07"	104° 51' 07"					F-48-42-B
khu Khuổi Nhe	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 19' 01"	104° 52' 00"					F-48-42-B
thôn Khuổi Phạt	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 14"	104° 53' 56"					F-48-42-B
khu Khuổi Quất	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 28"	104° 54' 12"					F-48-42-B
thôn Thọ Quang	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 17' 38"	104° 51' 37"					F-48-42-B
thôn Thống Nhất	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 15' 41"	104° 51' 53"					F-48-42-B
thôn Tiền Phong	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 49"	104° 52' 00"					F-48-42-B
thôn Vĩnh Chính	DC	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 18' 02"	104° 51' 38"					F-48-42-B
đồi Cờ	SV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 14' 59"	104° 53' 50"					F-48-42-D
núi Làng Thẻ	SV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang	22° 15' 40"	104° 50' 29"					F-48-42-B
sông Con	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 18' 25"	104° 50' 53"	22° 15' 52"	104° 52' 28"	F-48-42-B
ngòi Diều	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 18' 39"	104° 51' 56"	22° 17' 38"	104° 51' 29"	F-48-42-B
ngòi Hốc	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 13' 02"	104° 52' 38"	22° 14' 40"	104° 53' 05"	F-48-42-D
ngòi Ít	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 18' 31"	104° 53' 37"	22° 18' 42"	104° 54' 34"	F-48-42-B
suối Khuổi Mù	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 17' 05"	104° 50' 21"	22° 17' 41"	104° 50' 56"	F-48-42-B
suối Khuổi Niếng	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 14' 40"	104° 53' 05"	22° 15' 20"	104° 53' 05"	F-48-42-D F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Lịp	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 16' 15"	104° 49' 35"	22° 17' 06"	104° 50' 22"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 18' 59"	104° 53' 45"	22° 16' 53"	104° 54' 24"	F-48-42-B
suối Ngòi Que	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 16' 59"	104° 51' 24"	22° 17' 27"	104° 51' 44"	F-48-42-B
suối Thẻ	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 14' 54"	104° 50' 47"	22° 15' 06"	104° 51' 23"	F-48-42-D F-48-42-B
ngòi Thẻ	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 15' 06"	104° 51' 23"	22° 15' 47"	104° 52' 08"	F-48-42-B
ngòi Trì	TV	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 13' 03"	104° 53' 38"	22° 14' 27"	104° 54' 57"	F-48-42-D
quốc lộ 2	KX	xã Vĩnh Hảo	H. Bắc Quang			22° 14' 27"	104° 54' 57"	22° 18' 28"	104° 53' 03"	F-48-42-B F-48-42-D
làng Chúa	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 15' 03"	104° 46' 37"					F-48-42-B
làng Chùng	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 16' 10"	104° 46' 07"					F-48-42-B
làng Phúng	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 48"	104° 49' 50"					F-48-42-D
thôn Vĩnh Ban	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 21"	104° 47' 15"					F-48-42-D
thôn Vĩnh Chúa	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 35"	104° 46' 29"					F-48-42-D
thôn Vĩnh Gia	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 13' 40"	104° 47' 12"					F-48-42-D
thôn Vĩnh Sơn	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 15' 09"	104° 48' 16"					F-48-42-B
thôn Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 45"	104° 49' 11"					F-48-42-D
thôn Vĩnh Trà	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 15' 48"	104° 47' 55"					F-48-42-B
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 10"	104° 46' 46"					F-48-42-D
núi Đán Khao	SV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 16' 04"	104° 47' 44"					F-48-42-B
núi Khau Phả	SV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 14' 34"	104° 45' 15"					F-48-42-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pù Đăm	SV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang	22° 16' 43"	104° 46' 11"					F-48-42-B
ngòi Chúa	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang			22° 14' 59"	104° 45' 52"	22° 14' 32"	104° 47' 08"	F-48-42-D
ngòi Chùng	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang			22° 16' 11"	104° 45' 45"	22° 14' 11"	104° 47' 29"	F-48-42-B F-48-42-D
ngòi Củng	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang			22° 15' 31"	104° 46' 05"	22° 13' 38"	104° 47' 47"	F-48-42-B F-48-42-D
khuổi Khuất	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Bắc Quang			22° 14' 48"	104° 48' 35"	22° 14' 38"	104° 47' 40"	F-48-42-D
thôn Ca	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 24' 08"	104° 57' 06"					F-48-42-B
làng Dung	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 22' 58"	104° 55' 48"					F-48-42-B
thôn Dung	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 23' 37"	104° 56' 12"					F-48-42-B
thôn Lâm	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 23' 43"	104° 57' 42"					F-48-42-B
thôn Me Hạ	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 24' 06"	104° 54' 00"					F-48-42-B
thôn Me Thượng	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 23' 45"	104° 54' 39"					F-48-42-B
làng Thia	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 22' 24"	104° 54' 55"					F-48-42-B
thôn Thíp	DC	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 21' 35"	104° 54' 28"					F-48-42-B
núi Cao Đường	SV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 19' 13"	104° 57' 45"					F-48-42-B
núi Hòn Đồng	SV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 21' 06"	104° 54' 19"					F-48-42-B
núi Khao Chù	SV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 24' 57"	104° 54' 37"					F-48-42-B
dãy núi Khao Lầng	SV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 21' 48"	104° 56' 49"					F-48-42-B
núi Khao Lè	SV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang	22° 21' 28"	104° 56' 53"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Dung Thia	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 22' 11"	104° 55' 13"	22° 22' 02"	104° 54' 11"	F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 24' 52"	104° 53' 56"	22° 21' 01"	104° 53' 53"	F-48-42-B
suối Me	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 24' 21"	104° 55' 02"	22° 23' 44"	104° 53' 51"	F-48-42-B
suối Nậm Hốc	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 23' 06"	104° 58' 24"	22° 23' 30"	104° 56' 36"	F-48-42-B
suối Phiêng Lườn	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 19' 17"	104° 58' 13"	22° 19' 33"	104° 57' 23"	F-48-42-B
suối Thíp	TV	xã Vô Điếm	H. Bắc Quang			22° 21' 08"	104° 54' 54"	22° 21' 24"	104° 54' 15"	F-48-42-B
thôn Bản Mồ	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 09"	105° 23' 19"					F-48-19-B
thôn Chúng Mung	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 59"	105° 19' 59"					F-48-19-B
thôn Đậu Chúa	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 12"	105° 19' 40"					F-48-19-B
thôn Đoàn Kết	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 41"	105° 21' 04"					F-48-19-B
thôn Đồng Tâm	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 28"	105° 21' 47"					F-48-19-B
thôn Hấu Đề	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 18' 15"	105° 21' 00"					F-48-19-B
thôn Khai Hoang	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 18' 31"	105° 20' 49"					F-48-19-B
thôn Lài Cò	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 46"	105° 23' 02"					F-48-19-B
thôn Lùng Lú	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 18"	105° 20' 55"					F-48-19-B
thôn Má Lủ	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 27"	105° 23' 06"					F-48-19-B
thôn Má Pắng	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 55"	105° 22' 16"					F-48-19-B
xóm Má Pẳng	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 58"	105° 23' 26"					F-48-19-B
thôn Má Tìa	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 18' 13"	105° 22' 00"					F-48-19-B
thôn Má Ú	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 23"	105° 20' 23"					F-48-19-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngài Lủng	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 30"	105° 22' 51"					F-48-19-B
thôn Pố Lổ	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 28"	105° 21' 54"					F-48-19-B
thôn Quán Dín Ngài	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 49"	105° 20' 33"					F-48-19-B
thôn Quyết Tiến	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 43"	105° 21' 28"					F-48-19-B
thôn Sảng Ma Sao	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 24"	105° 19' 51"					F-48-19-B
thôn Sì Phài	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 43"	105° 22' 58"					F-48-19-B
thôn Thiên Hương	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 18' 28"	105° 22' 04"					F-48-19-B
xóm Xì Phài	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 53"	105° 22' 19"					F-48-19-B
thôn Xóm Mới	DC	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 22"	105° 21' 57"					F-48-19-B
núi Đá Pháp	SV	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 57"	105° 21' 44"					F-48-19-B
núi Tù Xán	SV	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 46"	105° 22' 52"					F-48-19-B
sông Nho Quế	TV	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn			23° 19' 16"	105° 22' 06"	23° 15' 41"	105° 24' 15"	F-48-19-B
suối Séo Hồ	TV	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn			23° 17' 35"	105° 18' 54"	23° 19' 16"	105° 22' 06"	F-48-19-B
quốc lộ 4C	KX	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn			23° 16' 31"	105° 19' 26"	23° 16' 07"	105° 21' 49"	F-48-19-B
trạm Viba Đồng Văn	KX	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 16' 38"	105° 22' 51"					F-48-19-B
thủy điện Xéo Hồ	KX	TT. Đồng Văn	H. Đồng Văn	23° 17' 57"	105° 19' 33"					F-48-19-B
thôn Mới	DC	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 14' 48"	105° 11' 01"					F-48-19-C
thôn Phiến Ngài	DC	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 14' 43"	105° 11' 21"					F-48-19-C
thôn Phố Trồ	DC	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 15' 17"	105° 11' 16"					F-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Kha	DC	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 16' 24"	105° 11' 28"					F-48-19-A
núi Trung Mò Pủa	SV	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 16' 27"	105° 11' 44"					F-48-19-A
quốc lộ 4C	KX	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn			23° 15' 00"	105° 11' 04"	23° 13' 51"	105° 11' 37"	F-48-19-C
cửa khẩu Phó Bảng	KX	TT. Phó Bảng	H. Đồng Văn	23° 16' 37"	105° 11' 46"					F-48-19-A
thôn Chín Trù Ván	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 54"	105° 15' 52"					F-48-19-D
thôn Há Súa	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 59"	105° 15' 17"					F-48-19-D
thôn Hố Quáng Phìn	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 10' 19"	105° 15' 14"					F-48-19-D
thôn Phàn Nhìa Tổng	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 11' 12"	105° 15' 41"					F-48-19-D
thôn Phỉnh Cồ Ván	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 26"	105° 15' 48"					F-48-19-D
thôn Tả Phìn	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 16"	105° 14' 50"					F-48-19-C
xóm Xà Sồ	DC	xã Hố Quáng Phìn	H. Đồng Văn	23° 10' 54"	105° 16' 35"					F-48-19-D
thôn Cẳng Tằng	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 37"	105° 18' 48"					F-48-19-B
thôn Lô Lô Chải	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 51"	105° 18' 28"					F-48-19-B
thôn Sán Trồ	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 20' 15"	105° 17' 30"					F-48-19-B
thôn Séo Lủng	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 22' 20"	105° 18' 16"					F-48-19-B
thôn Tả Cô Van	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 09' 00"	105° 15' 05"					F-48-19-D
thôn Tả Giao Khâu	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 24"	105° 20' 06"					F-48-19-B
thôn Thèn Pả	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 17"	105° 18' 52"					F-48-19-B
thôn Thèn Ván	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 22"	105° 17' 21"					F-48-19-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xáy Xà Phìn	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 21' 45"	105° 19' 40"					F-48-19-B
thôn Xí Mần Kha	DC	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 20' 52"	105° 18' 17"					F-48-19-B
núi Long Ka	SV	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn	23° 22' 06"	105° 17' 45"					F-48-19-B
suối Lùng Mẫn	TV	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn			23° 23' 00"	105° 16' 58"	23° 20' 29"	105° 21' 10"	F-48-19-B
sông Nho Quế	TV	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn			23° 20' 04"	105° 17' 56"	23° 20' 29"	105° 21' 10"	F-48-19-B
suối Tràng Ca	TV	xã Lũng Cú	H. Đồng Văn			23° 20' 32"	105° 17' 16"	23° 20' 28"	105° 18' 40"	F-48-19-B
thôn Cán Pải Hở A	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 14"	105° 17' 29"					F-48-19-D
xóm Chà Chua	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 07' 33"	105° 17' 03"					F-48-19-D
thôn Cháng Trá Phìn	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 09' 26"	105° 16' 34"					F-48-19-D
thôn Mao Sáo Phìn	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 30"	105° 17' 56"					F-48-19-D
thôn Phố Lũng Phìn	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 43"	105° 17' 33"					F-48-19-D
xóm Sủng Cứ	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 52"	105° 17' 00"					F-48-19-D
thôn Sủng Lỳ	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 06"	105° 16' 29"					F-48-19-D
xóm Sủng Phồng	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 07' 38"	105° 16' 09"					F-48-19-D
thôn Sủng Sì	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 07' 41"	105° 17' 22"					F-48-19-D
xóm Sủng Sình	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 06' 49"	105° 16' 57"					F-48-19-D
thôn Suối Chín Ván	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 58"	105° 16' 34"					F-48-19-D
thôn Túng Chúng Phìn	DC	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 08' 30"	105° 16' 30"					F-48-19-D
núi Há Su	SV	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn	23° 07' 09"	105° 16' 41"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh Yên Minh - Mèo Vạc	KX	xã Lũng Phìn	H. Đồng Văn			23° 07' 39"	105° 16' 24"	23° 09' 08"	105° 18' 00"	F-48-19-D
thôn Lũng Táo	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 02"	105° 16' 24"					F-48-19-B
thôn Mã Là	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 42"	105° 15' 45"					F-48-19-B
xóm Mà Lủng Dưới	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 02"	105° 14' 25"					F-48-19-A
thôn Mã Sồ	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 42"	105° 17' 42"					F-48-19-B
thôn Mò Só Tủng	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 16' 49"	105° 16' 24"					F-48-19-B
thôn Nhù Sang	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 24"	105° 14' 34"					F-48-19-A
thôn Sà Lủng	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 16' 49"	105° 15' 57"					F-48-19-B
thôn Tia Súng	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 35"	105° 16' 48"					F-48-19-B
thôn Tua Ninh	DC	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 16' 40"	105° 16' 29"					F-48-19-B
núi Chúng Khó Đề	SV	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 11"	105° 14' 16"					F-48-19-A
núi Hà Nhìn Sang	SV	xã Lũng Táo	H. Đồng Văn	23° 17' 34"	105° 14' 50"					F-48-19-A
thôn Cà Lủng	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 12' 13"	105° 09' 01"					F-48-19-C
thôn Chá Dính	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 11' 34"	105° 10' 12"					F-48-19-C
thôn Há Đề	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 10' 30"	105° 10' 31"					F-48-19-C
thôn Mó Sí	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 10' 27"	105° 11' 10"					F-48-19-C
thôn Tả Lủng A	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 11' 21"	105° 10' 22"					F-48-19-C
thôn Tả Lủng B	DC	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 11' 02"	105° 11' 07"					F-48-19-C
núi Chua Lả	SV	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 10' 39"	105° 11' 36"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chuân Chia	SV	xã Lũng Thầu	H. Đồng Văn	23° 11' 06"	105° 11' 24"					F-48-19-C
xóm Dì Thàng	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 19' 00"	105° 15' 34"					F-48-19-B
thôn Hạ Chá Lủng	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 59"	105° 16' 03"					F-48-19-B
thôn Khai Hoang	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 38"	105° 19' 48"					F-48-19-B
thôn Làng Sảng	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 43"	105° 18' 17"					F-48-19-B
thôn Mã Lầu	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 27"	105° 16' 09"					F-48-19-B
thôn Mã Lé	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 33"	105° 17' 59"					F-48-19-B
thôn Ngài Trồ	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 51"	105° 18' 55"					F-48-19-B
thôn Tắc Tằng	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 19' 37"	105° 18' 38"					F-48-19-B
xóm Thùng Chứ Phìn	DC	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 19' 29"	105° 18' 11"					F-48-19-B
núi Lìa Phía	SV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 20' 26"	105° 16' 16"					F-48-19-B
suối Ma Lé	TV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn			23° 19' 58"	105° 15' 05"	23° 17' 56"	105° 18' 23"	F-48-19-B
sông Nho Quế	TV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn			23° 20' 29"	105° 21' 10"	23° 19' 16"	105° 22' 06"	F-48-19-B
suối Séo Hồ	TV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn			23° 17' 35"	105° 18' 54"	23° 19' 16"	105° 22' 06"	F-48-19-B
suối Tắc Tằng	TV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn			23° 19' 24"	105° 18' 52"	23° 20' 07"	105° 19' 43"	F-48-19-B
suối Tràng Ca	TV	xã Mã Lé	H. Đồng Văn			23° 20' 28"	105° 18' 40"	23° 20' 29"	105° 21' 10"	F-48-19-B
Đồn Biên phòng Lũng Cú	KX	xã Mã Lé	H. Đồng Văn	23° 18' 45"	105° 17' 46"					F-48-19-B
thôn Chúng Pả	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 25"	105° 09' 51"					F-48-19-C
thôn Chúng Pả A	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 11"	105° 10' 26"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chúng Pả B	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 13' 00"	105° 10' 00"					F-48-19-C
thôn Há Súng	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 08"	105° 12' 00"					F-48-19-C
thôn Hầu Chúa Ván	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 13' 35"	105° 09' 44"					F-48-19-C
thôn Kho Chư	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 14' 57"	105° 07' 23"					F-48-19-C
thôn Lán Xì	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 13' 04"	105° 11' 47"					F-48-19-C
thôn Sảng Pả	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 13' 38"	105° 09' 06"					F-48-19-C
thôn Séo Lủng	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 38"	105° 10' 23"					F-48-19-C
thôn Sủa Pả	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 00"	105° 11' 02"					F-48-19-C
thôn Suối Thầu	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 14' 03"	105° 08' 10"					F-48-19-C
thôn Tá Tò	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 14' 22"	105° 08' 29"					F-48-19-C
thôn Trá Phúng A	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 12' 44"	105° 11' 01"					F-48-19-C
thôn Tráng Phúng B	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 13' 05"	105° 10' 45"					F-48-19-C
thôn Xà Lủng A	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 10' 54"	105° 11' 49"					F-48-19-C
thôn Xà Lủng B	DC	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 11' 41"	105° 12' 03"					F-48-19-C
núi Hà Chú Ha	SV	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 15' 12"	105° 07' 27"					F-48-19-A
núi Thèn Ván	SV	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn	23° 11' 30"	105° 12' 31"					F-48-19-C
suối Thầu	TV	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn			23° 15' 00"	105° 07' 31"	23° 11' 33"	105° 11' 38"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Phố Cáo	H. Đồng Văn			23° 13' 44"	105° 08' 53"	23° 10' 13"	105° 11' 36"	F-48-19-C
thôn Chúng Trải	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 15' 30"	105° 08' 42"					F-48-19-A
xóm Cổng Tráng	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 15' 10"	105° 09' 38"					F-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mao Só Tủng	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 16' 02"	105° 09' 54"					F-48-19-A
thôn Phín Tủng	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 16' 36"	105° 11' 21"					F-48-19-A
thôn Sán Trồ	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 15' 44"	105° 08' 45"					F-48-19-A
thôn Tả Lủng	DC	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 16' 37"	105° 10' 09"					F-48-19-A
núi Chúng Lía	SV	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 17' 12"	105° 10' 17"					F-48-19-A
núi Há Cơ	SV	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 25' 21"	105° 08' 02"					F-48-19-A
núi Hám Pò	SV	xã Phố Là	H. Đồng Văn	23° 16' 37"	105° 10' 43"					F-48-19-A
thôn Chừ Lủng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 10' 49"	105° 13' 47"					F-48-19-C
thôn Giàng Giao Lủng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 10' 57"	105° 13' 08"					F-48-19-C
thôn Lùng Thàng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 13' 05"	105° 14' 02"					F-48-19-C
thôn Ly Chử Phìn A	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 11' 10"	105° 15' 10"					F-48-19-D
thôn Ly Chử Phìn B	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 11' 29"	105° 13' 33"					F-48-19-C
thôn Sảng Tủng A	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 12' 01"	105° 14' 53"					F-48-19-C
thôn Sảng Tủng B	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 12' 25"	105° 14' 39"					F-48-19-C
thôn Séo Lủng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 13' 26"	105° 13' 31"					F-48-19-C
thôn Séo Sính Lủng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 12' 44"	105° 12' 52"					F-48-19-C
thôn Sính Thầu	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 13' 04"	105° 14' 33"					F-48-19-C
thôn Tả Lủng	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 14' 27"	105° 14' 44"					F-48-19-C
thôn Thèn Ván	DC	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 11' 12"	105° 13' 02"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Há Cơ Si	SV	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 12' 33"	105° 13' 22"					F-48-19-C
núi Lủng Sính	SV	xã Sảng Tủng	H. Đồng Văn	23° 13' 01"	105° 12' 21"					F-48-19-C
thôn Cá Ha	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 11' 54"	105° 16' 34"					F-48-19-D
thôn Há Đề	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 01"	105° 17' 27"					F-48-19-D
thôn Là Chúa Tủng	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 53"	105° 15' 36"					F-48-19-D
thôn Lá Tà	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 05"	105° 17' 20"					F-48-19-D
thôn Má Chề	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 37"	105° 17' 01"					F-48-19-D
thôn Phìn Xả	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 57"	105° 16' 45"					F-48-19-D
thôn Quà Lủng	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 17"	105° 15' 50"					F-48-19-D
thôn Sính Lủng	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 58"	105° 16' 10"					F-48-19-D
thôn Xà Tủng Chứ	DC	xã Sính Lủng	H. Đồng Văn	23° 14' 32"	105° 17' 09"					F-48-19-D
thôn Đoàn Kết	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 13' 44"	105° 12' 50"					F-48-19-C
thôn Lao Sa	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 15' 24"	105° 12' 18"					F-48-19-A
thôn Lũng Cẩm Dưới	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 13' 56"	105° 12' 44"					F-48-19-C
thôn Lũng Cẩm Trên	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 13' 35"	105° 12' 07"					F-48-19-C
thôn Mo Phỏ Phìn	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 15' 40"	105° 13' 20"					F-48-19-A
thôn Pó Tò	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 15' 25"	105° 13' 12"					F-48-19-A
thôn Pù Chừ Lủng	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 15' 42"	105° 12' 46"					F-48-19-A
thôn Sáng Ngài	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 14' 39"	105° 13' 34"					F-48-19-C
thôn Sủng Là Dưới	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 15' 51"	105° 12' 07"					F-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sủng Là Trên	DC	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 16' 15"	105° 12' 13"					F-48-19-A
núi Lao Xa	SV	xã Sủng Là	H. Đồng Văn	23° 16' 00"	105° 12' 30"					F-48-19-A
quốc lộ 4C	KX	xã Sủng Là	H. Đồng Văn			23° 14' 53"	105° 14' 09"	23° 13' 40"	105° 11' 37"	F-48-19-C
thôn Há Chớ	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 05"	105° 15' 40"					F-48-19-D
thôn Há Đề	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 41"	105° 15' 48"					F-48-19-D
thôn Há Pia	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 58"	105° 14' 06"					F-48-19-C
thôn Há Su	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 33"	105° 14' 15"					F-48-19-C
thôn Phúng Tủng	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 53"	105° 14' 55"					F-48-19-C
thôn Pó Sảng	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 08' 22"	105° 14' 00"					F-48-19-C
thôn Sủng Của	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 06' 50"	105° 16' 07"					F-48-19-D
thôn Sủng Dìa	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 04"	105° 13' 42"					F-48-19-C
thôn Sủng Trái	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 06' 42"	105° 15' 46"					F-48-19-D
thôn Sủng Tùa	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 07' 15"	105° 14' 01"					F-48-19-C
thôn Tìa Súng	DC	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn	23° 08' 44"	105° 14' 16"					F-48-19-C
đường tỉnh Yên Minh - Mèo Vạc	KX	xã Sủng Trái	H. Đồng Văn			23° 06' 12"	105° 15' 02"	23° 07' 39"	105° 16' 24"	F-48-19-D
thôn Chính Chúa Lủng	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 15' 49"	105° 20' 15"					F-48-19-B
thôn Chua Só	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 03"	105° 21' 32"					F-48-19-D
thôn Đề Đay	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 33"	105° 22' 10"					F-48-19-D
thôn Đề Đay	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 49"	105° 20' 47"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đề Lía	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 12"	105° 22' 08"					F-48-19-D
thôn Đợ Súng	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 15' 37"	105° 20' 57"					F-48-19-B
thôn Há Chùa Lả	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 13' 32"	105° 21' 12"					F-48-19-D
xóm Ha Công	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 50"	105° 19' 36"					F-48-19-D
thôn Há Đề A	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 15' 10"	105° 20' 28"					F-48-19-B
thôn Há Đề B	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 14' 56"	105° 20' 26"					F-48-19-D
thôn Há Súng	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 15' 14"	105° 21' 18"					F-48-19-B
thôn Khó Thông	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 14' 19"	105° 22' 12"					F-48-19-D
thôn Sảng Ma Sao	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 14' 40"	105° 21' 40"					F-48-19-D
thôn Súng Lủng	DC	xã Tả Lủng	H. Đồng Văn	23° 12' 36"	105° 21' 15"					F-48-19-D
thôn Dình Lủng	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 14' 54"	105° 19' 32"					F-48-19-D
thôn Khá Già	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 14' 21"	105° 19' 55"					F-48-19-D
thôn Khúa Lủng	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 13' 49"	105° 19' 56"					F-48-19-D
thôn Mà Lủng	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 55"	105° 19' 19"					F-48-19-B
thôn Nhìa Lủng Phìn A	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 13' 24"	105° 18' 41"					F-48-19-D
thôn Nhìa Lủng Phìn B	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 14' 33"	105° 18' 59"					F-48-19-D
thôn Tả Phìn B	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 14' 29"	105° 19' 16"					F-48-19-D
thôn Xà Tủng Chứ	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 14' 24"	105° 17' 51"					F-48-19-D
thôn Xùa Lủng	DC	xã Tả Phìn	H. Đồng Văn	23° 13' 10"	105° 19' 03"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giàng Sì Tủng	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 16' 31"	105° 18' 22"					F-48-19-B
thôn Khi Lía	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 17' 04"	105° 18' 46"					F-48-19-B
thôn Mua Súa	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 15' 39"	105° 16' 42"					F-48-19-B
thôn Pù Đáng	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 15' 42"	105° 17' 08"					F-48-19-B
thôn Tả Tủng Chứ	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 15' 24"	105° 18' 14"					F-48-19-B
thôn Thài Phìn Tủng	DC	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn	23° 15' 03"	105° 17' 12"					F-48-19-B
quốc lộ 4C	KX	xã Thài Phìn Tủng	H. Đồng Văn			23° 15' 35"	105° 15' 42"	23° 15' 18"	105° 16' 38"	F-48-19-B
thôn Chua Say	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 09' 20"	105° 13' 38"					F-48-19-C
thôn Đăng Vài	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 08' 22"	105° 12' 04"					F-48-19-C
thôn Khó Cho	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 08' 39"	105° 11' 36"					F-48-19-C
thôn Kho Chớ	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 09' 37"	105° 11' 11"					F-48-19-C
thôn Phìn Chải A	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 07' 53"	105° 12' 39"					F-48-19-C
thôn Phìn Chải B	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 07' 48"	105° 12' 12"					F-48-19-C
thôn Tà Lủng A	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 09' 03"	105° 13' 00"					F-48-19-C
thôn Tà Lủng B	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 08' 55"	105° 12' 52"					F-48-19-C
thôn Vần Chải A	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 09' 12"	105° 11' 41"					F-48-19-C
thôn Vần Chải B	DC	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 09' 01"	105° 11' 19"					F-48-19-C
núi Kho Chớ	SV	xã Vần Chải	H. Đồng Văn	23° 10' 19"	105° 12' 57"					F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Vần Chải	H. Đồng Văn			23° 10' 12"	105° 11' 36"	23° 09' 10"	105° 10' 38"	F-48-19-C
thôn Há Hơ	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 40"	105° 14' 03"					F-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Hòa A	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 32"	105° 14' 35"					F-48-19-A
thôn Lũng Hòa B	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 52"	105° 14' 54"					F-48-19-A
thôn Lũng Thầu	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 16' 12"	105° 14' 23"					F-48-19-A
thôn Lý Chá Tủng	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 04"	105° 14' 36"					F-48-19-A
thôn Xà Phìn A	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 31"	105° 15' 49"					F-48-19-B
thôn Xà Phìn B	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 06"	105° 16' 01"					F-48-19-B
thôn Xà Phìn C	DC	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn	23° 15' 34"	105° 16' 15"					F-48-19-B
quốc lộ 4C	KX	xã Xà Phìn	H. Đồng Văn			23° 15' 00"	105° 14' 10"	23° 15' 18"	105° 16' 42"	F-48-19-A F-48-19-B
tổ 1	DC	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 45"	104° 40' 44"					F-48-30-C
tổ 2	DC	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 36"	104° 40' 45"					F-48-30-C
thôn Pỗ Lũng	DC	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 07"	104° 40' 23"					F-48-30-A
thôn Quang Tiến	DC	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 02"	104° 40' 31"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 12"	104° 41' 39"	22° 43' 57"	104° 40' 29"	F-48-30-C
suối Cốc Láng	TV	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì			22° 45' 24"	104° 41' 11"	22° 44' 39"	104° 41' 49"	F-48-30-A F-48-30-C
suối Thầu	TV	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì			22° 45' 00"	104° 40' 01"	22° 44' 03"	104° 40' 38"	F-48-30-A F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	TT. Vinh Quang	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 21"	104° 40' 06"	22° 44' 15"	104° 41' 43"	F-48-30-C
thôn Bản Luốc	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 33"	104° 40' 59"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bành Văn 1	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 01"	104° 40' 26"					F-48-30-C
thôn Bành Văn 2	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 38"	104° 40' 09"					F-48-30-C
thôn Bình An	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 29"	104° 41' 41"					F-48-30-C
thôn Cao Sơn 1	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 13"	104° 41' 15"					F-48-30-C
thôn Cao Sơn 2	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 40' 25"	104° 40' 33"					F-48-30-C
thôn Nậm Lỳ	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 02"	104° 39' 48"					F-48-30-C
thôn Suối Thầu 1	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 40' 59"	104° 39' 12"					F-48-30-C
thôn Suối Thầu 2	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 40' 45"	104° 39' 55"					F-48-30-C
thôn Thái Bình	DC	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 35"	104° 40' 52"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì			22° 40' 27"	104° 41' 44"	22° 43' 50"	104° 42' 08"	F-48-30-C
suối Sán Sả Hồ	TV	xã Bản Luốc	H. Hoàng Su Phì			22° 41' 44"	104° 39' 44"	22° 42' 33"	104° 39' 21"	F-48-30-C
thôn Bản Máy	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 46"	104° 35' 20"					F-48-30-A
thôn Bản Pắng	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 00"	104° 33' 49"					F-48-30-A
thôn Hồ Pả	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 03"	104° 33' 11"					F-48-30-A
xóm Hòa Sì Pan	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 35"	104° 35' 10"					F-48-30-A
thôn Lao Sán	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 30"	104° 32' 52"					F-48-30-A
thôn Lủng Cấu	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 24"	104° 34' 10"					F-48-30-A
thôn Mã Tẻn	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 15"	104° 33' 50"					F-48-30-A
thôn Mới	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 02"	104° 32' 19"					F-48-30-A
thôn Na Xỉ Sẩu	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 53"	104° 34' 15"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Chải	DC	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 22"	104° 35' 13"					F-48-30-A
núi Chùng Chủ Dìn	SV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 30"	104° 31' 21"					F-48-30-A
núi Chung Háng Sủ	SV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 46"	104° 31' 39"					F-48-30-A
núi Láo Sản	SV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 25"	104° 32' 12"					F-48-30-A
núi Pả Vi	SV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì	22° 51' 02"	104° 34' 17"					F-48-30-A
suối Đỏ	TV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì			22° 51' 12"	104° 35' 17"	22° 47' 45"	104° 35' 49"	F-48-30-A
suối Hô Pả	TV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì			22° 50' 10"	104° 33' 09"	22° 50' 52"	104° 33' 51"	F-48-30-A
suối Hòa Sì Pan	TV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 30"	104° 34' 53"	22° 47' 45"	104° 35' 49"	F-48-30-A
suối Nàn Xỉn	TV	xã Bản Máy	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 19"	104° 32' 41"	22° 48' 30"	104° 34' 53"	F-48-30-A
thôn Cốc Nắm	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 04"	104° 45' 53"					F-48-30-D
thôn Dì Thàng	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 55"	104° 45' 10"					F-48-30-D
thôn Ma Lù Súng	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 39"	104° 44' 02"					F-48-30-C
thôn Ma Lù Vó	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 33"	104° 45' 08"					F-48-30-D
thôn Na Nhung	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 11"	104° 44' 39"					F-48-30-C
thôn Nám Nan	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 53"	104° 44' 06"					F-48-30-C
thôn Nhìu Sang	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 07"	104° 44' 27"					F-48-30-C
thôn Thiêng Rầy	DC	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 20"	104° 44' 50"					F-48-30-C
suối Na Nhung	TV	xã Bản Nhùng	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 00"	104° 44' 49"	22° 42' 59"	104° 43' 39"	F-48-30-C
thôn Bản Péo	DC	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 23"	104° 44' 26"					F-48-30-C
thôn Kết Thành	DC	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì	22° 40' 40"	104° 43' 18"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Dịch	DC	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 57"	104° 44' 41"					F-48-30-C
thôn Thành Công	DC	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 28"	104° 45' 04"					F-48-30-D
suối Làng Lĩ Hồ	TV	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì			22° 39' 04"	104° 44' 18"	22° 39' 08"	104° 43' 29"	F-48-30-C
suối Nậm Dịch	TV	xã Bản Péo	H. Hoàng Su Phì			22° 39' 06"	104° 43' 31"	22° 39' 33"	104° 43' 02"	F-48-30-C
thôn Cum Pu	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 27"	104° 35' 04"					F-48-30-A
thôn Lùng Cẩu	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 05"	104° 34' 23"					F-48-30-A
thôn Na Léng	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 20"	104° 35' 09"					F-48-30-A
thôn Na Pha	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 17"	104° 34' 41"					F-48-30-A
thôn Pắng	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 01"	104° 34' 02"					F-48-30-A
thôn Phủng Cá	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 03"	104° 33' 26"					F-48-30-A
thôn Pu Mo	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 03"	104° 35' 07"					F-48-30-A
thôn Thống Nhất	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 42"	104° 34' 25"					F-48-30-A
thôn Tô Meo	DC	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 20"	104° 33' 52"					F-48-30-A
suối Đỏ	TV	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì			22° 47' 45"	104° 35' 49"	22° 46' 06"	104° 35' 46"	F-48-30-A
suối Gia Long	TV	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 35"	104° 34' 00"	22° 46' 06"	104° 35' 46"	F-48-30-A
suối Hoa Si Pan	TV	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 30"	104° 34' 53"	22° 47' 45"	104° 35' 49"	F-48-30-A
suối Nàn Xỉn	TV	xã Bản Phùng	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 19"	104° 32' 41"	22° 48' 30"	104° 34' 53"	F-48-30-A
thôn Chiến Phố Hạ	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 59"	104° 37' 20"					F-48-30-A
thôn Chiến Phố Thượng	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 51"	104° 37' 23"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoàn Kết	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 57"	104° 36' 51"					F-48-30-A
thôn Mỏ Phìn	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 05"	104° 36' 33"					F-48-30-A
thôn Nhìu Sang	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 17"	104° 38' 00"					F-48-30-A
thôn Sũi Thầu	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 03"	104° 38' 56"					F-48-30-A
thôn Xín Chải	DC	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 37"	104° 39' 08"					F-48-30-A
dãy Ngăm Đỉm	SV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 22"	104° 39' 19"					F-48-30-A
sông Chảy	TV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 44"	104° 37' 10"	22° 44' 43"	104° 35' 29"	F-48-30-C
suối Đỏ	TV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 23"	104° 36' 20"	22° 44' 43"	104° 35' 29"	F-48-30-A F-48-30-C
suối Hiên Tà	TV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 16"	104° 37' 07"	22° 48' 23"	104° 36' 20"	F-48-30-A
suối Thầu	TV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 20"	104° 38' 30"	22° 45' 00"	104° 40' 01"	F-48-30-A
suối Vó Thấu Chải	TV	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 42"	104° 38' 27"	22° 48' 16"	104° 37' 07"	F-48-30-A
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Chiến Phố	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 58"	104° 35' 33"	22° 44' 55"	104° 37' 10"	F-48-30-C
thôn Lủng Khum	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 51"	104° 42' 36"					F-48-30-A
thôn Lủng Nàng	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 02"	104° 43' 01"					F-48-30-A
thôn Pố Ải	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 22"	104° 41' 43"					F-48-30-A
thôn Thính Nà	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 31"	104° 42' 13"					F-48-30-A
thôn Thượng 1	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 08"	104° 44' 08"					F-48-30-A
thôn Thượng 2	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 35"	104° 43' 42"					F-48-30-A
thôn Thượng 3	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 05"	104° 44' 00"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xếp	DC	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 07"	104° 41' 55"					F-48-30-A
suối Cóc Láng	TV	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì			22° 45' 24"	104° 41' 11"	22° 44' 39"	104° 41' 49"	F-48-30-A F-48-30-C
suối Nậm Lù	TV	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 45"	104° 43' 32"	22° 45' 50"	104° 43' 19"	F-48-30-A
suối Ngàm Đá Trắng	TV	xã Đản Ván	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 10"	104° 44' 14"	22° 44' 39"	104° 41' 49"	F-48-30-A
thôn Chiến Thắng	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 00"	104° 37' 58"					F-48-30-C
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 36' 29"	104° 39' 40"					F-48-30-C
thôn Hố Sán	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 37' 29"	104° 39' 35"					F-48-30-C
thôn Quang Vinh	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 04"	104° 38' 50"					F-48-30-C
thôn Tân Minh	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 37' 40"	104° 37' 58"					F-48-30-C
thôn Tân Phong	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 15"	104° 39' 34"					F-48-30-C
thôn Tân Thành	DC	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 36' 31"	104° 38' 12"					F-48-30-C
núi Chiếu Lầu Thi	SV	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 40"	104° 36' 06"					F-48-30-C
núi Ngạn Mủi	SV	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 20"	104° 35' 40"					F-48-30-C
suối Hiáng Suối	TV	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì			22° 39' 37"	104° 37' 43"	22° 37' 40"	104° 39' 43"	F-48-30-C
suối Hồ Thầu	TV	xã Hổ Thầu	H. Hoàng Su Phì			22° 37' 46"	104° 37' 06"	22° 37' 48"	104° 40' 08"	F-48-30-C
thôn Hoàng Ngân	DC	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 36"	104° 42' 15"					F-48-30-C
thôn Thắng Lợi	DC	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 53"	104° 42' 10"					F-48-30-C
thôn Tráng Lai	DC	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì	22° 40' 47"	104° 42' 24"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì			22° 38' 31"	104° 41' 52"	22° 41' 19"	104° 41' 19"	F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Dịch	TV	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì			22° 39' 33"	104° 43' 02"	22° 39' 27"	104° 42' 05"	F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Nậm Dịch	H. Hoàng Su Phì			22° 41' 19"	104° 41' 20"	22° 40' 03"	104° 41' 46"	F-48-30-C
thôn Hùng An	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 40"	104° 40' 34"					F-48-30-C
thôn Khòa Hạ	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 33' 32"	104° 42' 15"					F-48-30-C
thôn Khòa Thượng	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 36"	104° 41' 05"					F-48-30-C
thôn Nùng Cũ	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 37"	104° 40' 00"					F-48-30-C
thôn Nùng Mới	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 05"	104° 41' 49"					F-48-30-C
thôn Vinh Quang	DC	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 33' 22"	104° 41' 06"					F-48-30-C
núi Bản Quáng Trề	SV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 49"	104° 37' 11"					F-48-30-C
đèo Ngam Dâu Tráng	SV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 46"	104° 41' 02"					F-48-30-C
núi Phàn Xa Bỏ	SV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 40"	104° 37' 54"					F-48-30-C
núi Pùng Tăng Bỏ	SV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 53"	104° 39' 24"					F-48-30-C
suối Nậm Hóp	TV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì			22° 35' 03"	104° 37' 52"	22° 33' 26"	104° 39' 11"	F-48-30-C
suối Nậm Khòa	TV	xã Nậm Khòa	H. Hoàng Su Phì			22° 35' 09"	104° 39' 26"	22° 32' 58"	104° 43' 07"	F-48-30-C
thôn Lê Hồng Phong	DC	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 11"	104° 42' 28"					F-48-30-C
thôn Lùng Thàng	DC	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì	22° 37' 02"	104° 41' 06"					F-48-30-C
thôn Nặm Ai	DC	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì	22° 37' 10"	104° 41' 24"					F-48-30-C
thôn Tả Phin	DC	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 39"	104° 40' 13"					F-48-30-C
đèo Hữu Ngoai	SV	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 46"	104° 41' 02"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Chảy	TV	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì			22° 38' 02"	104° 40' 32"	22° 38' 31"	104° 41' 52"	F-48-30-C
suối Nặm Ai	TV	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì			22° 35' 54"	104° 40' 53"	22° 38' 09"	104° 41' 20"	F-48-30-C
nậm Song	TV	xã Nam Sơn	H. Hoàng Su Phì			22° 37' 55"	104° 42' 35"	22° 38' 15"	104° 42' 03"	F-48-30-C
thôn Nậm Piên	DC	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 36' 23"	104° 46' 15"					F-48-30-D
thôn Nậm Ty	DC	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 33"	104° 46' 30"					F-48-30-D
thôn Ông Thượng	DC	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 08"	104° 47' 21"					F-48-30-D
thôn Tân Minh	DC	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 38' 06"	104° 44' 27"					F-48-30-C
thôn Tấn Sà Phìn	DC	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 37' 47"	104° 45' 11"					F-48-30-D
núi Tây Côn Lĩnh	SV	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì	22° 36' 45"	104° 46' 40"					F-48-30-D
suối Nậm Lìn	TV	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì			22° 34' 28"	104° 47' 06"	22° 34' 38"	104° 45' 41"	F-48-30-D
suối Nậm Ông	TV	xã Nậm Ty	H. Hoàng Su Phì			22° 37' 52"	104° 45' 32"	22° 36' 01"	104° 44' 26"	F-48-30-D F-48-30-C
thôn Cóc Be	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 21"	104° 35' 29"					F-48-30-C
thôn Cóc Rễ	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 01"	104° 35' 57"					F-48-30-C
thôn Hoàng Lao Chải	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 30"	104° 35' 44"					F-48-30-C
thôn Nặm Tìn	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 46"	104° 35' 28"					F-48-30-C
thôn Thỉnh Rầy	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 27"	104° 36' 26"					F-48-30-C
thôn Văng Sai	DC	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 21"	104° 35' 06"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 41"	104° 36' 23"	22° 44' 20"	104° 34' 48"	F-48-30-C
suối Tà Đản	TV	xã Nàng Đôn	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 23"	104° 36' 39"	22° 44' 40"	104° 36' 23"	F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cáo Sán	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 31"	104° 43' 16"					F-48-30-C
thôn Nặm Ẳn	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 12"	104° 42' 23"					F-48-30-C
thôn Nặm Cồm	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 30"	104° 42' 02"					F-48-30-C
thôn Ngàm Đăng Vài 1	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 04"	104° 42' 57"					F-48-30-C
thôn Ngàm Đăng Vài 2	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 16"	104° 42' 19"					F-48-30-C
thôn Thiêng Khum Hạ	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 11"	104° 43' 12"					F-48-30-C
thôn Thiêng Khum Thượng	DC	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 25"	104° 42' 23"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì			22° 41' 19"	104° 41' 19"	22° 43' 50"	104° 42' 08"	F-48-30-C
suối Na Nhung	TV	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 59"	104° 43' 39"	22° 43' 53"	104° 42' 30"	F-48-30-C
suối Nặm Cồm	TV	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 05"	104° 42' 21"	22° 42' 34"	104° 41' 47"	F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Ngàm Đăng Vài	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 50"	104° 42' 08"	22° 41' 19"	104° 41' 20"	F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chàng Chảy	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 04"	104° 36' 32"					F-48-30-C
thôn Cốc Mươi	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 07"	104° 37' 15"					F-48-30-C
thôn Hố Sán	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 31"	104° 37' 43"					F-48-30-C
thôn Na Vang	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 40"	104° 37' 30"					F-48-30-C
thôn Pô Chuông	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 21"	104° 37' 09"					F-48-30-C
thôn Tà Đảm	DC	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 39"	104° 36' 43"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 09"	104° 37' 58"	22° 44' 41"	104° 36' 23"	F-48-30-C
khe Cốc Rễ	TV	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 35"	104° 36' 24"	22° 43' 23"	104° 36' 39"	F-48-30-C
suối Tà Đán	TV	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì			22° 40' 37"	104° 37' 12"	22° 42' 09"	104° 37' 30"	F-48-30-C
suối Tà Đạn	TV	xã Pờ Li Ngài	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 09"	104° 37' 30"	22° 44' 40"	104° 36' 23"	F-48-30-C
thôn Cao Sơn Hạ	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 23"	104° 39' 59"					F-48-30-A
thôn Cao Sơn Thượng	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 51"	104° 39' 47"					F-48-30-A
thôn Cóc Cái	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 16"	104° 40' 08"					F-48-30-A
thôn Cóc Mươi Hạ	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 39"	104° 40' 31"					F-48-30-A
thôn Cóc Mươi Thượng	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 15"	104° 40' 12"					F-48-30-A
thôn Cóc Soọc	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 09"	104° 40' 39"					F-48-30-A
thôn Đông Rìu	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 34"	104° 41' 37"					F-48-30-A
thôn Ngăm Buổng	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 12"	104° 43' 16"					F-48-30-A
thôn Pố Lồ	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 30"	104° 40' 20"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thu Mưng	DC	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 02"	104° 39' 52"					F-48-30-A
suối Cóc Láng	TV	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì			22° 47' 24"	104° 41' 51"	22° 45' 24"	104° 41' 11"	F-48-30-A
suối Nắm Pưng	TV	xã Pố Lồ	H. Hoàng Su Phì			22° 47' 51"	104° 40' 14"	22° 47' 08"	104° 41' 26"	F-48-30-A
thôn Cóc Cọc	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 46"	104° 37' 51"					F-48-30-C
thôn Hạ B	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 40"	104° 38' 20"					F-48-30-C
thôn Lèng Chà Thượng	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 06"	104° 38' 01"					F-48-30-C
thôn Liên Hợp	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 53"	104° 38' 25"					F-48-30-C
thôn Lủng Dăm	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 58"	104° 38' 57"					F-48-30-C
thôn Lủng Phạc	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 21"	104° 38' 48"					F-48-30-C
thôn Thượng	DC	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 43"	104° 38' 03"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 20"	104° 39' 02"	22° 44' 09"	104° 37' 58"	F-48-30-C
suối Sán Sả Hồ	TV	xã Sán Xả Hồ	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 07"	104° 39' 29"	22° 43' 18"	104° 39' 03"	F-48-30-C
thôn Chà Hồ	DC	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 41"	104° 46' 07"					F-48-30-D
thôn Hóa Chéo Phìn	DC	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 22"	104° 44' 52"					F-48-30-C
thôn Phìn Hồ	DC	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 45"	104° 45' 43"					F-48-30-D
thôn Quyết Tiến	DC	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì	22° 41' 35"	104° 45' 26"					F-48-30-D
thôn Tả Sử Choóng	DC	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì	22° 39' 43"	104° 45' 13"					F-48-30-D
suối Tả Sử Choóng	TV	xã Tả Sử Choóng	H. Hoàng Su Phì			22° 40' 19"	104° 44' 56"	22° 41' 59"	104° 44' 49"	F-48-30-C
thôn Bản Qua 1	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 55"	104° 43' 07"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Qua 2	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 40"	104° 43' 34"					F-48-30-C
bản Chè 1	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 50"	104° 44' 26"					F-48-30-C
bản Chè 2	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 55"	104° 43' 35"					F-48-30-C
thôn Cóc Cái	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 10"	104° 42' 57"					F-48-30-C
bản Nậm Than	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 54"	104° 42' 31"					F-48-30-C
thôn Pắc Ngàm	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 34"	104° 43' 36"					F-48-30-A
thôn Tân Tiến 1	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 46"	104° 43' 01"					F-48-30-C
thôn Tân Tiến 2	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 26"	104° 42' 55"					F-48-30-C
thôn Thịnh Rẫy	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 01"	104° 43' 39"					F-48-30-A
thôn Thu Lùng	DC	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 28"	104° 44' 07"					F-48-30-C
suối Bản Qua	TV	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 54"	104° 44' 58"	22° 43' 53"	104° 42' 31"	F-48-30-C
suối Chảy	TV	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 50"	104° 42' 08"	22° 44' 12"	104° 41' 39"	F-48-30-C
suối Nà Nhung	TV	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 53"	104° 42' 30"	22° 43' 22"	104° 43' 38"	F-48-30-C
suối Ngàn Đá Trắng	TV	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì			22° 45' 49"	104° 43' 37"	22° 44' 39"	104° 41' 49"	F-48-30-A F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Tân Tiến	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 15"	104° 41' 43"	22° 43' 50"	104° 42' 08"	F-48-30-C
thôn Cốc Rặc	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 35"	104° 37' 43"					F-48-30-A
thôn Giáp Trung	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 13"	104° 38' 45"					F-48-30-A
xóm Ma Lu Thàng	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 45"	104° 39' 02"					F-48-30-A
thôn Ngài Thầu	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 37"	104° 38' 44"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngài Trồ	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 31"	104° 39' 14"					F-48-30-A
thôn Tả Chải	DC	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 00"	104° 38' 55"					F-48-30-A
núi Cắm Cờ	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 58"	104° 39' 21"					F-48-30-A
núi Hồ Si Sán	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 04"	104° 38' 46"					F-48-30-A
núi Nàng Púi	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 10"	104° 38' 42"					F-48-30-A
núi Ngài Dàng Sán	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 28"	104° 37' 26"					F-48-30-A
núi Trang Sái	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 18"	104° 40' 04"					F-48-30-A
núi Xì Kha Ná	SV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì	22° 50' 09"	104° 37' 48"					F-48-30-A
suối Đỏ	TV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì			22° 49' 02"	104° 36' 40"	22° 48' 23"	104° 36' 20"	F-48-30-A
suối Hiên Tà	TV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 26"	104° 38' 51"	22° 48' 23"	104° 36' 20"	F-48-30-A
suối Nậm Cư	TV	xã Thàng Tín	H. Hoàng Su Phì			22° 50' 52"	104° 37' 17"	22° 49' 02"	104° 36' 40"	F-48-30-A
thôn Cáo Phìn	DC	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 21"	104° 41' 41"					F-48-30-A
thôn Lùng Chin Hạ	DC	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 39"	104° 42' 29"					F-48-30-A
thôn Lùng Chin Thượng	DC	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 46"	104° 41' 56"					F-48-30-A
thôn Nậm Rế	DC	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 57"	104° 41' 32"					F-48-30-A
núi 2043	SV	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 25"	104° 41' 16"					F-48-30-A
núi 2047	SV	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì	22° 49' 26"	104° 43' 50"					F-48-30-A
suối Hiền Tà	TV	xã Thèn Chu Phìn	H. Hoàng Su Phì			22° 48' 15"	104° 41' 58"	22° 47' 24"	104° 41' 51"	F-48-30-A
thôn Bản Giàng	DC	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 33' 48"	104° 44' 15"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hồng Quang	DC	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 32' 31"	104° 42' 44"					F-48-30-C
thôn Ông Hạ	DC	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 34' 24"	104° 45' 32"					F-48-30-D
thôn Phìn Hồ	DC	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 57"	104° 42' 37"					F-48-30-C
núi Cổng Trời	SV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 45"	104° 41' 47"					F-48-30-C
núi Ngữ Dài	SV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 36' 40"	104° 42' 26"					F-48-30-C
suối Nậm Khòa	TV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì			22° 32' 58"	104° 43' 07"	22° 33' 45"	104° 44' 12"	F-48-30-C
suối Nậm Lìn	TV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì			22° 34' 23"	104° 46' 46"	22° 33' 45"	104° 44' 12"	F-48-30-D
suối Nậm Ông	TV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì			22° 36' 01"	104° 44' 26"	22° 33' 54"	104° 44' 18"	F-48-30-C
suối Thông Nguyên	TV	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì			22° 33' 45"	104° 44' 12"	22° 33' 04"	104° 44' 24"	F-48-30-C
nông trường Chiếm Pú Bọ	KX	xã Thông Nguyên	H. Hoàng Su Phì	22° 35' 16"	104° 42' 02"					F-48-30-C
thôn Cán Chỉ Rền	DC	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 26"	104° 41' 12"					F-48-30-C
thôn Cậy	DC	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 39"	104° 39' 12"					F-48-30-C
thôn Na Hu	DC	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 43' 06"	104° 39' 30"					F-48-30-C
thôn Nắm Ản	DC	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 41"	104° 38' 39"					F-48-30-C
thôn U Khố Sủ	DC	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 44"	104° 39' 16"					F-48-30-C
núi Chỉ Văn	SV	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì	22° 42' 43"	104° 40' 32"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì			22° 43' 50"	104° 42' 08"	22° 44' 44"	104° 37' 10"	F-48-30-C
suối Sán Sả Hồ	TV	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì			22° 42' 33"	104° 39' 21"	22° 43' 18"	104° 39' 03"	F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Tụ Nhân	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 55"	104° 37' 10"	22° 44' 21"	104° 40' 06"	F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chúng Phùng	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 46' 27"	104° 46' 53"					F-48-30-B
thôn Hợp Nhất	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 06"	104° 46' 37"					F-48-30-D
thôn Khu Chù Sán	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 25"	104° 46' 19"					F-48-30-D
thôn Phìn Sư	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 07"	104° 47' 09"					F-48-30-D
thôn Tả Chải	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 53"	104° 46' 16"					F-48-30-D
thôn Tả Lèng	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 28"	104° 44' 26"					F-48-30-A
thôn Thượng	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 44' 45"	104° 44' 54"					F-48-30-C
thôn Túng Quá Lìn	DC	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 45' 36"	104° 44' 57"					F-48-30-A
núi Can Lìn	SV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 09"	104° 48' 14"					F-48-30-B
núi Giàng Hồ Thầu	SV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 48' 23"	104° 47' 44"					F-48-30-B
núi Tiểu Tìn Sán	SV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì	22° 47' 44"	104° 45' 46"					F-48-30-B
suối Bản Qua	TV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 38"	104° 45' 51"	22° 44' 54"	104° 44' 58"	F-48-30-D F-48-30-C
suối Ngàn Đá Trắng	TV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì			22° 46' 10"	104° 44' 14"	22° 45' 49"	104° 43' 37"	F-48-30-A
suối Sáng Dình Chảy	TV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì			22° 44' 52"	104° 47' 57"	22° 44' 38"	104° 45' 51"	F-48-30-D
suối Túng Quá Lìn	TV	xã Tùng Sán	H. Hoàng Su Phì			22° 47' 08"	104° 47' 23"	22° 44' 38"	104° 45' 51"	F-48-30-B F-48-30-D
thôn Chúng Pả A	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 10' 11"	105° 24' 40"					F-48-19-D
thôn Chúng Pả B	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 10' 25"	105° 25' 04"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sán Tớ	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 08' 04"	105° 25' 40"					F-48-19-D
thôn Sảng Pả B	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 09' 17"	105° 23' 45"					F-48-19-D
thôn Tìa Chí Dùa	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 09' 51"	105° 25' 17"					F-48-19-D
thôn Tò Đú	DC	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc	23° 09' 10"	105° 24' 58"					F-48-19-D
quốc lộ 4C	KX	TT. Mèo Vạc	H. Mèo Vạc			23° 10' 43"	105° 24' 35"	23° 09' 57"	105° 23' 46"	F-48-19-D
thôn Cán Chu Phìn	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 08' 30"	105° 26' 52"					F-48-19-D
thôn Cán Lủng	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 09' 39"	105° 29' 36"					F-48-19-D
thôn Đế Chia	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 10' 05"	105° 28' 40"					F-48-19-D
thôn Há Dấu Cò	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 09' 08"	105° 26' 29"					F-48-19-D
thôn Há Ía	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 07' 52"	105° 27' 43"					F-48-19-D
thôn Lùng Thà	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 07' 12"	105° 27' 17"					F-48-19-D
thôn Nhù Cú Ha	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 09' 52"	105° 27' 32"					F-48-19-D
thôn Sán Si Lủng	DC	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 10' 34"	105° 27' 35"					F-48-19-D
sông Nho Quế	TV	xã Cán Chu Phìn	H. Mèo Vạc			23° 10' 45"	105° 28' 58"	23° 10' 04"	105° 30' 18"	F-48-19-D
thôn Cá Chua Đớ	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 11' 15"	105° 26' 26"					F-48-19-D
thôn Dì Châu Phàng	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 11' 16"	105° 27' 25"					F-48-19-D
thôn Dì Chủa Phàng	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 10' 30"	105° 26' 51"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Háu Chua	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 12' 54"	105° 26' 46"					F-48-19-D
thôn Hố Quáng Phìn	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 12' 07"	105° 26' 01"					F-48-19-D
thôn Tràng Hương	DC	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 11' 38"	105° 26' 33"					F-48-19-D
sông Nho Quế	TV	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc			23° 13' 59"	105° 25' 26"	23° 10' 45"	105° 28' 58"	F-48-19-D
cầu Tràng Hương	KX	xã Giàng Chu Phìn	H. Mèo Vạc	23° 13' 32"	105° 26' 23"					F-48-19-D
thôn Há Cá	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 27"	105° 27' 07"					F-48-19-D
thôn Há Dế	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 46"	105° 30' 09"					F-48-20-C
thôn Khâu Vai	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 05' 16"	105° 29' 12"					F-48-19-D
thôn Lũng Lầu	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 56"	105° 28' 25"					F-48-19-D
thôn Pắc Cạm	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 03' 35"	105° 29' 22"					F-48-19-D
thôn Po Ma	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 23"	105° 30' 05"					F-48-20-C
thôn Pó Ngần	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 15"	105° 29' 00"					F-48-19-D
thôn Sán Séo Tỷ	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 06' 21"	105° 28' 52"					F-48-19-D
thôn Trù Lụng Dưới	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 04' 40"	105° 27' 45"					F-48-19-D
thôn Trù Lụng Trên	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 05' 53"	105° 27' 19"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xín Thầu	DC	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc	23° 07' 16"	105° 28' 17"					F-48-19-D
sông Nho Quế	TV	xã Khâu Vai	H. Mèo Vạc			23° 05' 01"	105° 30' 57"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-19-D
xóm Lùng Lý	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 09' 23"	105° 20' 42"					F-48-19-D
thôn Lùng Phủa	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 08' 59"	105° 19' 58"					F-48-19-D
thôn Mèo Bóng	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 07' 09"	105° 18' 40"					F-48-19-D
thôn Mèo Vống	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 07' 47"	105° 18' 42"					F-48-19-D
thôn Sèo Lùng Sán	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 08' 34"	105° 18' 57"					F-48-19-D
xóm Sủng Già	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 07' 32"	105° 18' 03"					F-48-19-D
thôn Sủng Khẻ	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 08' 07"	105° 20' 32"					F-48-19-D
thôn Sủng Lủ	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 08' 43"	105° 19' 35"					F-48-19-D
thôn Sủng Tà	DC	xã Lũng Chinh	H. Mèo Vạc	23° 08' 43"	105° 20' 45"					F-48-19-D
tổ 4	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 56"	105° 30' 36"					F-48-20-C
thôn Chí Dỉ Phìn	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 55"	105° 29' 20"					F-48-19-D
thôn Há Tủa Sò	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 29"	105° 30' 59"					F-48-20-C
thôn Làn Tỉnh Đào	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 59"	105° 31' 42"					F-48-20-C
thôn Lũng Lừ	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 06' 20"	105° 30' 12"					F-48-20-C
thôn Phấu Hía	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 08' 29"	105° 29' 43"					F-48-19-D
thôn Quản Xí	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 30"	105° 30' 07"					F-48-20-C
thôn Sảng Chải A	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 27"	105° 29' 08"					F-48-19-D
thôn Sảng Chải B	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 17"	105° 29' 20"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vàng Dảo Tìa	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 07' 39"	105° 29' 45"					F-48-19-D
thôn Xúa Do	DC	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc	23° 09' 41"	105° 30' 19"					F-48-20-C
sông Nho Quế	TV	xã Lũng Pù	H. Mèo Vạc			23° 10' 05"	105° 30' 18"	23° 05' 01"	105° 30' 57"	F-48-20-C
thôn Bản Ruộc	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 05' 18"	105° 21' 51"					F-48-19-D
xóm Há Đề	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 07' 00"	105° 20' 20"					F-48-19-D
thôn Nà Hin	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 06' 07"	105° 20' 30"					F-48-19-D
thôn Nà Lạc	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 06' 42"	105° 22' 50"					F-48-19-D
thôn Nà Nông	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 03' 01"	105° 20' 41"					F-48-19-D
thôn Nà Pầu	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 05' 11"	105° 20' 41"					F-48-19-D
thôn Nà Poòng	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 07' 02"	105° 21' 57"					F-48-19-D
thôn Nà Tằm	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 06' 02"	105° 19' 49"					F-48-19-D
thôn Nà Tàn	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 02' 56"	105° 21' 21"					F-48-19-D
thôn Nậm Ban	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 04' 19"	105° 22' 04"					F-48-19-D
thôn Nậm Lụng	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 06' 04"	105° 22' 53"					F-48-19-D
thôn Pắc Làng	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 05' 48"	105° 21' 25"					F-48-19-D
thôn Vị Ke	DC	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 04' 18"	105° 23' 01"					F-48-19-D
dãy núi Phú Mỳ	SV	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc	23° 07' 11"	105° 21' 44"					F-48-19-D
suối Chú Mỳ	TV	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc			23° 07' 05"	105° 21' 05"	23° 05' 09"	105° 21' 39"	F-48-19-D
suối Nậm Ban	TV	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc			23° 05' 09"	105° 21' 39"	23° 02' 29"	105° 21' 53"	F-48-19-D
suối Nặm Lụng	TV	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc			23° 07' 05"	105° 22' 38"	23° 05' 09"	105° 21' 39"	F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vi Giác	TV	xã Nậm Ban	H. Mèo Vạc			23° 06' 45"	105° 19' 50"	23° 04' 10"	105° 19' 49"	F-48-19-D
thôn Bản Tại	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 01' 31"	105° 25' 59"					F-48-19-D
thôn Bản Tồng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 03' 22"	105° 25' 20"					F-48-19-D
thôn Cá Thể Bản Tồng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 02' 46"	105° 24' 13"					F-48-19-D
thôn Chỏm Siêu	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 00' 23"	105° 24' 14"					F-48-19-D
thôn Cốc Tổng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 00' 15"	105° 22' 31"					F-48-19-D
thôn Khuổi Liềng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 03' 42"	105° 26' 22"					F-48-19-D
thôn Khuổi Luông	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 02' 57"	105° 23' 32"					F-48-19-D
thôn Nà Giáo	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 02' 13"	105° 23' 52"					F-48-19-D
thôn Nà Tiềng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 03' 31"	105° 26' 25"					F-48-19-D
thôn Nặm Chuầy	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 00' 38"	105° 25' 38"					F-48-19-D
thôn Ngặm Cạch	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 01' 56"	105° 27' 24"					F-48-19-D
thôn Niêm Đồng	DC	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 02' 15"	105° 25' 08"					F-48-19-D
núi Chè Cươm	SV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 01' 07"	105° 24' 48"					F-48-19-D
núi Cốc Phấy	SV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc	23° 00' 40"	105° 22' 53"					F-48-19-D
suối Bản Tại	TV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc			23° 00' 10"	105° 25' 48"	23° 01' 12"	105° 25' 43"	F-48-19-D
suối Nặm Chuầy	TV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc			23° 00' 33"	105° 22' 36"	23° 01' 13"	105° 25' 43"	F-48-19-D
sông Nhiệm	TV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc			23° 02' 23"	105° 21' 58"	23° 01' 35"	105° 25' 59"	F-48-19-D
suối Phác Ràng	TV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc			23° 01' 13"	105° 23' 03"	23° 02' 11"	105° 25' 06"	F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tát Ngà	TV	xã Niêm Sơn	H. Mèo Vạc			23° 04' 09"	105° 24' 49"	23° 01' 50"	105° 25' 35"	F-48-19-D
thôn Bó Pia	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 01' 17"	105° 27' 24"					F-48-19-D
thôn Cốc Pại	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 01' 13"	105° 28' 47"					F-48-19-D
thôn Nà Cổng 1	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 02' 48"	105° 27' 48"					F-48-19-D
thôn Nà Cổng 2	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 02' 26"	105° 28' 05"					F-48-19-D
thôn Nà Pinh	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 01' 52"	105° 29' 10"					F-48-19-D
thôn Nà Pù	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 03' 13"	105° 26' 41"					F-48-19-D
thôn Phiêng Tòng	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 00' 28"	105° 27' 06"					F-48-19-D
thôn Po Qua	DC	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc	23° 02' 45"	105° 28' 51"					F-48-19-D
suối Bản Tại	TV	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc			23° 00' 10"	105° 25' 48"	23° 01' 12"	105° 25' 43"	F-48-19-D
suối Khuổi Vàng	TV	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc			23° 03' 27"	105° 28' 07"	23° 01' 50"	105° 25' 35"	F-48-19-D
sông Nhiệm	TV	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc			23° 01' 50"	105° 25' 35"	23° 00' 36"	105° 28' 55"	F-48-19-D
suối Pắc Dầu	TV	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc			23° 04' 20"	105° 26' 00"	23° 03' 17"	105° 25' 18"	F-48-19-D
suối Tát Ngà	TV	xã Niêm Tòng	H. Mèo Vạc			23° 04' 09"	105° 24' 49"	23° 01' 50"	105° 25' 35"	F-48-19-D
thôn Kho Tấu	DC	xã Pả Vi	H. Mèo Vạc	23° 10' 53"	105° 24' 54"					F-48-19-D
thôn Pả Vi Thượng	DC	xã Pả Vi	H. Mèo Vạc	23° 12' 52"	105° 25' 56"					F-48-19-D
thôn Sà Lủng	DC	xã Pả Vi	H. Mèo Vạc	23° 12' 47"	105° 22' 52"					F-48-19-D
sông Nho Quế	TV	xã Pả Vi	H. Mèo Vạc			23° 14' 09"	105° 25' 07"	23° 13' 59"	105° 25' 26"	F-48-19-D
quốc lộ 4C	KX	xã Pả Vi	H. Mèo Vạc			23° 10' 42"	105° 24' 49"	23° 14' 05"	105° 24' 21"	F-48-19-D
thôn Mã Pì Lèng	DC	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc	23° 14' 05"	105° 24' 54"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mua Tài Lủng	DC	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc	23° 13' 48"	105° 24' 26"					F-48-19-D
thôn Ngài Lầu	DC	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc	23° 15' 51"	105° 23' 20"					F-48-19-B
thôn Pải Lủng	DC	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc	23° 14' 40"	105° 24' 30"					F-48-19-D
thôn Tà Làng	DC	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc	23° 15' 34"	105° 24' 08"					F-48-19-B
sông Nho Quế	TV	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc			23° 15' 41"	105° 24' 15"	23° 14' 09"	105° 25' 07"	F-48-19-B F-48-19-D
quốc lộ 4C	KX	xã Pải Lủng	H. Mèo Vạc			23° 15' 54"	105° 22' 53"	23° 13' 53"	105° 24' 42"	F-48-19-B F-48-19-D
thôn Cò Súng	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 25"	105° 33' 39"					F-48-20-C
thôn Dìn Phàn Sán	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 16"	105° 29' 55"					F-48-19-D
thôn Lẻo Trá Phìn A	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 37"	105° 31' 41"					F-48-20-C
thôn Lẻo Trá Phìn B	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 07"	105° 32' 14"					F-48-20-C
thôn Lũng Chỉn	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 06"	105° 32' 55"					F-48-20-C
thôn Lũng Làn	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 40"	105° 32' 52"					F-48-20-C
thôn Lũng Lình A	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 34"	105° 32' 15"					F-48-20-C
thôn Lũng Lình B	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 09' 09"	105° 32' 48"					F-48-20-C
thôn Mé Lầu	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 09' 33"	105° 30' 50"					F-48-20-C
thôn Nà Nũng A	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 19"	105° 30' 46"					F-48-20-C
thôn Nà Nũng B	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 19"	105° 30' 19"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phia Thán	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 55"	105° 30' 25"					F-48-20-C
thôn Phìn Lò	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 21"	105° 30' 49"					F-48-20-C
thôn Tà Ngày	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 28"	105° 29' 47"					F-48-19-D
thôn Trà Mần	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 05"	105° 33' 14"					F-48-20-C
thôn Trù Lủng	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 00"	105° 32' 28"					F-48-20-C
thôn Trù Sán	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 07' 41"	105° 33' 17"					F-48-20-C
thôn Xéo Hồ	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 45"	105° 31' 33"					F-48-20-C
thôn Xín Chải	DC	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 04"	105° 32' 04"					F-48-20-C
núi Cá Chua Đớ	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 07' 24"	105° 33' 42"					F-48-20-C
núi Chúa Lìa	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 09' 50"	105° 33' 52"					F-48-20-C
núi Chúng Dình	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 09' 15"	105° 34' 09"					F-48-20-C
núi Chúng Khúa	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 01"	105° 33' 44"					F-48-20-C
núi Chúng Mù Lủng	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 08' 14"	105° 33' 30"					F-48-20-C
núi Dào Dìn Ván	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 25"	105° 32' 12"					F-48-20-C
núi Đồi Cao	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 54"	105° 31' 50"					F-48-20-C
núi Dù Nhỉn	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 19"	105° 33' 14"					F-48-20-C
núi Gia Chót	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 10' 47"	105° 32' 59"					F-48-20-C
núi Hu Xu Phin	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 35"	105° 30' 55"					F-48-20-C
núi Keng Lày	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 17"	105° 33' 01"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lủng Láo Chấn	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 27"	105° 32' 43"					F-48-20-C
núi Lủng Mần	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 07' 36"	105° 33' 01"					F-48-20-C
núi Pò Lai	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 06"	105° 32' 58"					F-48-20-C
núi Xá Pao	SV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc	23° 11' 57"	105° 30' 23"					F-48-20-C
sông Nho Quế	TV	xã Sơn Vĩ	H. Mèo Vạc			23° 10' 23"	105° 29' 27"	23° 06' 45"	105° 31' 48"	F-48-20-C F-48-19-D
khu Cán Số 9	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 09' 12"	105° 18' 36"					F-48-19-D
thôn Há Chế	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 14"	105° 21' 51"					F-48-19-D
thôn Há Púng Cáy	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 11' 08"	105° 21' 41"					F-48-19-D
khu Quán Thèn Lủng	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 03"	105° 20' 43"					F-48-19-D
thôn Sàng Sò	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 59"	105° 18' 52"					F-48-19-D
thôn Sủng Cáng	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 11' 32"	105° 18' 44"					F-48-19-D
thôn Sủng Máng	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 11' 34"	105° 19' 26"					F-48-19-D
thôn Sủng Nhỉ A	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 01"	105° 19' 10"					F-48-19-D
thôn Sủng Pờ A	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 11' 31"	105° 21' 01"					F-48-19-D
thôn Sủng Pờ B	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 11' 33"	105° 21' 23"					F-48-19-D
thôn Sủng Quáng	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 38"	105° 19' 58"					F-48-19-D
thôn Sủng Ú	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 07' 59"	105° 21' 33"					F-48-19-D
thôn Tả Chà Lảng	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 46"	105° 18' 19"					F-48-19-D
khu Xín Chải	DC	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc	23° 10' 21"	105° 20' 03"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Phú Mỳ	TV	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc			23° 08' 32"	105° 22' 18"	23° 07' 05"	105° 21' 05"	F-48-19-D
đường tỉnh 176	KX	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc			23° 10' 23"	105° 21' 56"	23° 10' 41"	105° 20' 30"	F-48-19-D
đường tỉnh 276	KX	xã Sủng Máng	H. Mèo Vạc			23° 10' 41"	105° 20' 30"	23° 10' 04"	105° 19' 08"	F-48-19-D
thôn Ba Tả Lủng	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 11' 18"	105° 23' 43"					F-48-19-D
thôn Há Chí Đùa	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 10' 42"	105° 23' 16"					F-48-19-D
thôn Há Súa	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 10' 00"	105° 23' 20"					F-48-19-D
thôn Lủng Vái	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 09' 02"	105° 22' 46"					F-48-19-D
thôn Phú Mỳ	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 07' 45"	105° 23' 06"					F-48-19-D
thôn Tả Lủng A1	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 11' 03"	105° 22' 21"					F-48-19-D
thôn Tả Lủng A2	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 11' 34"	105° 22' 34"					F-48-19-D
thôn Tả Lủng B1	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 11' 07"	105° 23' 01"					F-48-19-D
thôn Thào Chứ Lủng 1	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 10' 20"	105° 24' 02"					F-48-19-D
thôn Thào Chứ Lủng 2	DC	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc	23° 10' 42"	105° 23' 57"					F-48-19-D
đường tỉnh 176	KX	xã Tả Lủng	H. Mèo Vạc			23° 09' 57"	105° 23' 46"	23° 10' 23"	105° 21' 56"	F-48-19-D
thôn Bản Chiều	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 04' 43"	105° 24' 21"					F-48-19-D
thôn Chi Lợi Dung	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 07' 00"	105° 25' 48"					F-48-19-D
thôn Đồng A	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 04' 07"	105° 24' 14"					F-48-19-D
thôn Khuổi Roài	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 04' 42"	105° 25' 42"					F-48-19-D
thôn Lũng Hầu	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 51"	105° 23' 45"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Vài	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 39"	105° 24' 57"					F-48-19-D
thôn Nà Dầu	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 05' 34"	105° 23' 43"					F-48-19-D
thôn Nà Sang	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 26"	105° 25' 22"					F-48-19-D
thôn Nà Trào	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 05' 30"	105° 24' 23"					F-48-19-D
thôn Nhiều Lũng	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 31"	105° 23' 42"					F-48-19-D
thôn Pắc Dầu	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 04' 29"	105° 26' 27"					F-48-19-D
thôn Tát Ngà	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 27"	105° 24' 30"					F-48-19-D
thôn Thâm Noong	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 27"	105° 26' 49"					F-48-19-D
thôn Tư Tình	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 06' 52"	105° 26' 19"					F-48-19-D
thôn Vị Pi	DC	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 05' 05"	105° 26' 08"					F-48-19-D
núi Mậu Đôn	SV	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 05' 57"	105° 23' 02"					F-48-19-D
núi Mèo Vạc	SV	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc	23° 07' 45"	105° 24' 59"					F-48-19-D
suối Pắc Dầu	TV	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc			23° 06' 50"	105° 26' 26"	23° 04' 20"	105° 26' 00"	F-48-19-D
suối Tát Ngà	TV	xã Tát Ngà	H. Mèo Vạc			23° 07' 26"	105° 23' 10"	23° 04' 09"	105° 24' 49"	F-48-19-D
thôn Hầu Lùng Sán	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 48"	105° 26' 49"					F-48-19-B
thôn Hoa cà	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 16' 36"	105° 26' 10"					F-48-19-B
thôn Khai Hoang 1	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 16' 17"	105° 24' 37"					F-48-19-B
thôn Khai Hoang 2	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 16' 46"	105° 24' 05"					F-48-19-B
thôn Lủng Chư 1	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 14' 37"	105° 25' 41"					F-48-19-D
thôn Lủng Chư 2	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 14' 30"	105° 25' 53"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lủng Chư 3	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 11"	105° 25' 37"					F-48-19-B
thôn Mỏ Cớ	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 28"	105° 26' 16"					F-48-19-B
thôn Mỏ Phàng	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 17' 48"	105° 25' 52"					F-48-19-B
thôn Thàn Chư	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 14' 44"	105° 26' 53"					F-48-19-D
thôn Thèn Pả	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 16' 44"	105° 25' 13"					F-48-19-B
thôn Thín Ngài	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 27"	105° 24' 36"					F-48-19-B
thôn Tống Quáng Trải	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 17' 28"	105° 26' 10"					F-48-19-B
thôn Xà Phìn AB	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 13"	105° 27' 00"					F-48-19-B
thôn Xỉn Phìn Chư	DC	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 59"	105° 27' 37"					F-48-19-B
núi Cha Pao	SV	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 15' 38"	105° 27' 46"					F-48-19-B
núi Lý Trá Ván	SV	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 17' 39"	105° 25' 53"					F-48-19-B
núi Mỏ Phàng	SV	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc	23° 18' 03"	105° 25' 59"					F-48-19-B
sông Nho Quế	TV	xã Thượng Phùng	H. Mèo Vạc			23° 18' 52"	105° 22' 38"	23° 15' 09"	105° 24' 57"	F-48-19-B
thôn Bản Chuối	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 06"	105° 27' 28"					F-48-19-D
thôn BảnTrang	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 32"	105° 29' 06"					F-48-19-D
thôn Bờ Sông	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 54"	105° 26' 18"					F-48-19-D
thôn Cờ Lẳng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 08"	105° 29' 37"					F-48-19-D
thôn Cờ Tảng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 15"	105° 27' 55"					F-48-19-D
thôn Khai Hoang II	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 14"	105° 28' 06"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khai Hoang III	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 11' 48"	105° 29' 06"					F-48-19-D
thôn Lùng Thàng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 46"	105° 29' 04"					F-48-19-D
thôn Lùng Thúng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 14' 18"	105° 27' 13"					F-48-19-D
thôn Lùng Vần Chải	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 15' 12"	105° 28' 02"					F-48-19-B
thôn Mè Nắng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 03"	105° 29' 11"					F-48-19-D
thôn Ngài Trồ	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 11' 55"	105° 29' 18"					F-48-19-D
thôn Páo Sảng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 35"	105° 29' 22"					F-48-19-D
thôn Sả Nhè Lử	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 14' 08"	105° 28' 28"					F-48-19-D
thôn Sủa Nhè Lử	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 50"	105° 27' 57"					F-48-19-D
thôn Thuồng Luồng	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 01"	105° 27' 53"					F-48-19-D
thôn Tìa Chớ	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 12' 33"	105° 28' 43"					F-48-19-D
thôn Tìa Kính	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 11' 37"	105° 28' 22"					F-48-19-D
thôn Xín Chải	DC	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 37"	105° 27' 10"					F-48-19-D
núi Kha Phàng	SV	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 14' 03"	105° 29' 13"					F-48-19-D
núi Phẳng Nhìu Phìn	SV	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 13' 30"	105° 29' 10"					F-48-19-D
núi Phàng Pải Chung	SV	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc	23° 14' 29"	105° 28' 44"					F-48-19-D
sông Nho Quế	TV	xã Xín Cái	H. Mèo Vạc			23° 15' 00"	105° 25' 00"	23° 10' 23"	105° 29' 27"	F-48-19-D
tổ 3	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 03' 49"	104° 59' 16"					F-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 4	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 04' 18"	104° 59' 15"					F-48-18-D
thôn Bảo An	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 05' 03"	104° 58' 05"					F-48-18-D
thôn Nà Chang	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 04' 31"	104° 58' 50"					F-48-18-D
thôn Nà Khoang	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 03' 51"	104° 59' 39"					F-48-18-D
thôn Thượng Sơn	DC	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 04' 37"	104° 57' 41"					F-48-18-D
núi Chè Đao	SV	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 04' 44"	104° 58' 47"					F-48-18-D
núi Đôi	SV	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ	23° 04' 07"	104° 59' 42"					F-48-18-D
quốc lộ 4C	KX	TT. Tam Sơn	H. Quản Bạ			23° 03' 03"	104° 59' 25"	23° 03' 58"	105° 00' 06"	F-48-18-D F-48-19-C
thôn Cốc Méo	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 09' 37"	104° 59' 17"					F-48-18-D
thôn Lao Chải	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 09' 54"	104° 58' 21"					F-48-18-D
thôn Nà Cạn	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 10' 01"	104° 57' 51"					F-48-18-D
thôn Nà Quang	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 11' 01"	104° 58' 11"					F-48-18-D
thôn Pải Chư Phìn	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 08' 24"	105° 00' 43"					F-48-19-C
xóm Sán Chù	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 07' 46"	105° 00' 33"					F-48-19-C
thôn Sán Trồ	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 09' 15"	105° 00' 33"					F-48-19-C
thôn Thào Chư Phìn	DC	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ	23° 09' 12"	104° 58' 28"					F-48-18-D
suối La Cạn	TV	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ			23° 10' 08"	104° 58' 00"	23° 10' 39"	104° 58' 58"	F-48-18-D
sông Miện	TV	xã Bát Đại Sơn	H. Quản Bạ			23° 11' 39"	104° 57' 22"	23° 08' 31"	105° 01' 27"	F-48-18-D F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đầu Cầu 1	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 52"	105° 01' 43"					F-48-19-C
thôn Đầu Cầu 2	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 32"	105° 01' 52"					F-48-19-C
thôn Giàng Chư Phìn	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 07' 19"	105° 01' 20"					F-48-19-C
thôn Lùng Vái	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 51"	105° 03' 26"					F-48-19-C
thôn Pờ Chúa Lủng	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 07' 28"	105° 02' 22"					F-48-19-C
xóm Pú Lù Phìn	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 04' 34"	105° 02' 03"					F-48-19-C
thôn Sảng Cán Tỷ	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 42"	105° 02' 45"					F-48-19-C
thôn Sín Suối Hồ	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 59"	105° 01' 46"					F-48-19-C
thôn Sủa Cán Tỷ	DC	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 30"	105° 02' 57"					F-48-19-C
núi Bom Nổ	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 06"	105° 00' 50"					F-48-19-C
núi Chà Chua	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 09"	105° 02' 48"					F-48-19-C
núi Há Tùng	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 32"	105° 04' 25"					F-48-19-C
núi Háng Cọ	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 14"	105° 01' 52"					F-48-19-C
núi Khú Mý	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 48"	105° 00' 59"					F-48-19-C
núi Lao Ngải	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 14"	105° 01' 18"					F-48-19-C
núi Sếnh Há	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 51"	105° 02' 19"					F-48-19-C
núi Thông	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 04' 27"	105° 05' 55"					F-48-19-C
núi Thứ Xá	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 05' 03"	105° 03' 21"					F-48-19-C
núi Tư Tỉnh	SV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ	23° 06' 29"	105° 01' 16"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Miện	TV	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ			23° 08' 32"	105° 01' 27"	23° 04' 05"	105° 02' 11"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Cán Tỷ	H. Quản Bạ			23° 08' 32"	105° 01' 31"	23° 04' 12"	105° 02' 22"	F-48-19-C
thôn Cao Mã	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 06' 10"	104° 52' 12"					F-48-18-D
thôn Chín Chú Lìn	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 06' 40"	104° 48' 43"					F-48-18-D
thôn Chín Sang	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 06' 58"	104° 51' 46"					F-48-18-D
xóm Sào Phìn Su	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 05' 32"	104° 49' 14"					F-48-18-D
thôn Thèn Ván 1	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 06' 39"	104° 51' 31"					F-48-18-D
thôn Thèn Ván 2	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 06' 33"	104° 51' 02"					F-48-18-D
thôn Vả Thàng 1	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 05' 50"	104° 52' 18"					F-48-18-D
thôn Vả Thàng 2	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 05' 53"	104° 51' 39"					F-48-18-D
thôn Vàng Chá Phìn	DC	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 05' 32"	104° 48' 47"					F-48-18-D
núi Hoa Cha Van	SV	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ	23° 07' 29"	104° 51' 50"					F-48-18-D
suối Cao Mã	TV	xã Cao Mã Pờ	H. Quản Bạ			23° 06' 02"	104° 49' 29"	23° 06' 01"	104° 52' 09"	F-48-18-D
xóm Cẩu Há	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 04' 37"	105° 01' 56"					F-48-19-C
thôn Cốc Mạ	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 03' 19"	105° 01' 25"					F-48-19-C
thôn Nà Sài	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 01' 53"	105° 02' 37"					F-48-19-C
thôn Sang Phàng	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 03' 32"	105° 02' 05"					F-48-19-C
thôn Seo Lùng Cồ	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	22° 59' 42"	105° 03' 17"					F-48-31-A
thôn Thống Nhất	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 02' 38"	105° 02' 04"					F-48-19-C
khu Tráng Kìm	DC	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 03' 53"	105° 01' 56"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dốc Cốc Mạ	SV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 03' 18"	105° 01' 24"					F-48-19-C
núi Lùng Pét	SV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 02' 24"	105° 01' 39"					F-48-19-C
núi So Ván	SV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 04' 11"	105° 00' 59"					F-48-19-C
núi Tre Gai	SV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ	23° 03' 15"	105° 01' 39"					F-48-19-C
sông Miện	TV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ			23° 04' 50"	105° 02' 08"	22° 58' 15"	105° 02' 12"	F-48-19-C
suối Tà Cá	TV	xã Đông Hà	H. Quản Bạ			23° 01' 08"	105° 01' 46"	23° 01' 33"	105° 03' 14"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Đông Hà	H. Quản Bạ			23° 04' 51"	105° 02' 06"	23° 03' 18"	105° 01' 18"	F-48-19-C
thôn Hợp Tiến	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 03' 05"	105° 02' 24"					F-48-19-C
thôn Lùng Hóa	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 04' 26"	105° 03' 10"					F-48-19-C
thôn Lùng Tám Cao	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 02' 46"	105° 03' 35"					F-48-19-C
thôn Lùng Tám Thấp	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 02' 01"	105° 03' 15"					F-48-19-C
thôn Mỏ Nhà Cao	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 01' 59"	105° 04' 27"					F-48-19-C
thôn Mỏ Nhà Thấp	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 01' 27"	105° 03' 47"					F-48-19-C
xóm Pờ Chủ Lủng	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 02' 23"	105° 06' 48"					F-48-19-C
thôn Tùng Nùn	DC	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 00' 50"	105° 04' 01"					F-48-19-C
núi Ca Thinh	SV	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 01' 44"	105° 04' 47"					F-48-19-C
núi Cháy	SV	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 00' 53"	105° 07' 12"					F-48-19-C
núi Chò Chính Văn	SV	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ	23° 02' 21"	105° 04' 31"					F-48-19-C
sông Miện	TV	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ			23° 04' 05"	105° 02' 11"	23° 00' 14"	105° 03' 54"	F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 181	KX	xã Lùng Tám	H. Quản Bạ			23° 04' 12"	105° 02' 22"	23° 00' 24"	105° 04' 39"	F-48-19-C
xóm Chàng Trưng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 08' 03"	104° 54' 39"					F-48-18-D
thôn Khủng Cáng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 07' 23"	104° 54' 14"					F-48-18-D
thôn Mao Sào Phố	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 09' 27"	104° 53' 31"					F-48-18-D
thôn Na Cho Cai	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 09' 37"	104° 54' 41"					F-48-18-D
thôn Na Lình	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 09' 50"	104° 54' 01"					F-48-18-D
xóm Na Nóng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 07' 29"	104° 54' 36"					F-48-18-D
thôn Pả Láng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 09' 21"	104° 54' 16"					F-48-18-D
xóm Phìn Chư Sảng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 08' 36"	104° 55' 21"					F-48-18-D
thôn Phín Ủng	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 08' 22"	104° 54' 13"					F-48-18-D
xóm Tả Cứ	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 08' 10"	104° 53' 59"					F-48-18-D
xóm Túng Chúng Phìn	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 10' 15"	104° 54' 02"					F-48-18-D
thôn Xín Cái	DC	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 07' 56"	104° 55' 30"					F-48-18-D
núi Chín Sang	SV	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 07' 56"	104° 52' 46"					F-48-18-D
suối Ngầm	TV	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ			23° 08' 01"	104° 53' 59"	23° 10' 02"	104° 52' 49"	F-48-18-D
suối Sì Lầu Phìn	TV	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ			23° 07' 02"	104° 54' 18"	23° 08' 01"	104° 53' 59"	F-48-18-D
đồn biên phòng Nghĩa Thuận	KX	xã Nghĩa Thuận	H. Quản Bạ	23° 07' 53"	104° 55' 17"					F-48-18-D
thôn Nà Khúy	DC	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ	23° 04' 18"	105° 00' 43"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Vìn	DC	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ	23° 03' 29"	105° 00' 34"					F-48-19-C
thôn Nặm Đăm	DC	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ	23° 02' 29"	105° 01' 12"					F-48-19-C
thôn Trúc Sơn	DC	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ	23° 02' 11"	105° 00' 12"					F-48-19-C
suối Tà Cá	TV	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ			23° 02' 02"	105° 01' 13"	23° 01' 08"	105° 01' 46"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Quản Bạ	H. Quản Bạ			23° 03' 58"	105° 00' 06"	23° 03' 18"	105° 01' 18"	F-48-19-C
thôn Bình Dương	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	23° 00' 49"	104° 58' 32"					F-48-18-D
thôn Dìn Sán	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	23° 02' 40"	104° 57' 56"					F-48-18-D
thôn Đông Tinh	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	23° 01' 14"	104° 57' 11"					F-48-18-D
thôn Khâu Làn	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	23° 01' 07"	104° 55' 47"					F-48-18-D
thôn Lùng Mười	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	22° 59' 36"	104° 57' 38"					F-48-30-B
thôn Ngài Thầu Sảng	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	22° 58' 13"	104° 58' 04"					F-48-30-B
thôn Tân Tiến	DC	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ	23° 01' 46"	104° 56' 57"					F-48-18-D

(Xem tiếp Công báo số 507 + 508)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng